

# THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

## TRONG SỐ NÀY :

- |                                                                             |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| — Dị kiến đồng tâm.                                                         | PHAN ANH          |
| — Những chính sách về tiền tệ và<br>hối đoái.                               | VŨ VĂN HIỀN       |
| — Văn-dề sử liệu trong sử học<br>nước ta ngày nay.                          | THANH TUYỀN       |
| — Nghiên-cứu về Nguyễn Du và<br>truyện Kiều (nhân đọc một cuốn<br>sách mới) | ĐÌNH GIA TRINH    |
| — Tùy hứng: Niềm riêng, lẽ chung                                            | NGUYỄN LƯƠNG NGỌC |
| — Cây đàn vô chủ.                                                           | L. H. V.          |
| — Tài liệu: Cách ăn uống của<br>phu đồn điền cao-xu.                        | PHẠM KHẮC QUẢNG   |
| — Danh-từ y-học.                                                            | ĐỖ ĐỨC THU        |
| — Những bước đi ngang (truyện<br>dài)                                       | Đ. Đ. Đ.          |
| — Việc quốc tế.                                                             | VŨ ĐÌNH HÒE       |
| — Đời sống Đông dương: Mùa<br>tiểu công-nghệ                                |                   |

NĂM THỨ BA: SỐ 59—NGÀY 25 MARS 1944

# BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP  
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA  
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

**Trong số 1<sup>er</sup> Avril 1944**

|                                                                                       |                |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| — Hòa bình. . . . .                                                                   | ĐỖ ĐỨC DỤC     |
| — Tư tưởng xã hội học hiện đại. . . . .                                               | A. A.          |
| — Sử ta so với sử tàu. . . . .                                                        | NGUYỄN VĂN TỐ  |
| — Nghĩ về kịch. . . . .                                                               | LÊ HUY VÂN     |
| — Những vết thương tâm. . . . .                                                       | HOÀNG XUÂN HÂN |
| — Một truyện buồn của tuổi trẻ thơ (nguyên văn của<br>Quốc mệch diều độc bộ). . . . . | HOA TRUNG dịch |
| — Trích thuật sách báo. . . . .                                                       | TRỌNG ĐỨC      |
| — Những bước đi ngang. . . . .                                                        | ĐỖ ĐỨC THU     |

## HỘP THƯ

— Cùng các bạn đọc mua dài hạn.

Thường thường giòng chữ nhấc hết hạn báo ở trên bang không được các bạn đọc chú ý mấy cho nên tòa báo bắt buộc phải gửi kèm thư riêng vào báo. Lệ thường là chúng tôi gửi thư nhấc đó ba lần, trước khi tới số cuối hạn. Vậy trong thư đó, gửi hai lần đầu, vì người thư ký hay quên sớ những giòng chữ vô ích, hay chữa ít chữ không thích hợp, làm cho các bạn « sững sốt » Xin các bạn lượng thứ.

— Cùng ó. Trần như Lầu (Hà-nội).

Chúng tôi còn đương tính cách nào cho tiện công việc và sớ sách, và sẽ tuyên bố lên mặt báo sau. Xin ông gắng chờ.

— Cùng ó. Trần nuyê : Cát (Sàigòn).

Đã nhận được thư cùng ngân phiếu 152\$00 và sẽ chuyển giao những số tiền theo trong thư ông cho hội H.T.B.Q.N., quỹ Truyền bá vệ sinh và quỹ cứu tế nạn nhân bị bom tại Bắc và Trung kỳ. Xin nhận danh các hội đó cảm tạ tấm lòng quý hóa của ông.

**NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI**  
214, Hàng Bông -- HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI:

**NGÂM NGẢI TÌM TRĂM**  
(Thanh Tịnh) 2\$00

**VANG BÓNG MỘT THỜI**  
(Nguyễn Tuân) 5\$00

Đang in:

**TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?**  
HOÀNG ĐẠO THUY (Tái bản)

**HƠI THỞ TÀN**  
(NGUYỄN HỌNG)

**T H Ờ I Đ Ạ I**

# Đi kiêu, đông tâm

PHAN-ANH

Một nước chia rẽ, đảng phái trong tranh, cổ nhiên là một cái họa lớn. Nhưng trái lại, nếu ai cũng a dua theo một khuynh hướng, không suy nghĩ, để cho một cái trỏ lùa chốc lát đưa đi, thì đó vị tất là một cái phúc.

Chia rẽ để mà tranh giành nhau, thù ghét nhau, là một cái dở, nhưng nếu chỉ khác nhau về chính kiến, để khuyến bảo nhau, cảnh tỉnh nhau thì vẫn là một sự hay.

\*\*\*

Ngó qua lịch sử gần đại của hoàn cầu ta nhận thấy rằng sự thành lập các chính đảng là một bước rất quan trọng trong cuộc tiến hóa chính trị của một quốc gia. Không thể nói trước được rằng cuộc tiến hóa ấy sẽ đưa ta tới đâu, nhưng cứ hiện tình mà xét thì ta có thể nói rằng trình độ chính trị một nước có thể đo bằng sự động tác của các chính đảng.

Những cuộc thảo luận giữa những khuynh hướng khác nhau có thể gọi là những tiếng trống cầm canh hay tiếng chuông cảnh tỉnh cho quốc dân. Máy chính trị chạy có lẽ không nhanh lắm, nhưng đi một cách chắc chắn : có lăm đường thì đã có máy hãm, có tức hơi thì đã có cửa thông, cho nên những tai nạn tàn khốc ít khi xảy ra.

Hướng chỉ chính kiến khác nhau, khuynh hướng khác nhau đó là một hiện trạng thiên nhiên của bản chất loài người. Hoặc vì huyết chủng hoặc vì giáo dục, hoặc vì nghề nghiệp hoặc vì gia đình v. v... mỗi người có một tư tưởng do hoàn cảnh rất phức tạp gây thành. Muốn duy nhất tư tưởng của khắp thấy mọi người theo một chiều, chẳng khác gì muốn bắt tất cả ngọc sông cùng chảy theo một ngã : tốn công lắm có lẽ cũng có kết quả chốc lát, nhưng chẳng bao lâu « tức nước vỡ bờ »,

Cho nên đứng trước sự chia rẽ về tư tưởng, về khuynh hướng, ta chớ vội thất vọng, vì người ta có thể ý kiến khác, khuynh hướng khác mà vẫn kính mến lẫn nhau, và ở những trường hợp khẩn yếu, có thể đồng tâm hiệp lực cùng nhau.

**Chính kiến khác nhau nhưng vẫn kính trọng nhau đó là một điều kiện tối cần trong sự tranh biện chính trị. Những nhà chính trị có bản lĩnh, trong khi công kích địch thủ, không bao giờ dùng thái độ thỏa mạ vu khống, và hơn nữa, họ chỉ công kích chính kiến của địch thủ chứ không hề dả động đến thân-thượng cá nhân.**

*Đó không những là một thái độ dĩ nhiên của một người quân tử biết tự trọng, mà lại còn là một thượng sách của nhà chính trị, tránh câu ý kiến của người quân tử không đồng ý với mình bằng cách biện luận đường hoàng và làm nản lòng thù ghét của kẻ tiểu nhân bằng cách khoan hồng, đại lượng.*

*Với quan niệm ấy trong những lúc quốc gia hữu sự, người ta rất có thể đồng tâm hiệp lực, tuy rằng chính kiến khác nhau.*

*Chương trình chính trị nào mà chẳng có phần giống nhau, mà ta có thể nói rằng các **chính đảng chỉ khác nhau ở khuynh hướng ở những sự dự định về tương lai, chứ còn về hiện tại thì chương trình của họ không khác gì nhau**: cho nên sự cộng tác để đi tới một mục đích khẩn cấp rất có thể có được. Các chính đảng nước Pháp, năm 1914, trước cái họa ngoại xâm, đã tạm gác hết sự chia rẽ, để đồng tâm hiệp lực mà ủng hộ chính phủ để đối phó với thời cục: và ngoài ra, từ Tây chi Đông, còn bao nhiêu nước khác cũng đã trải qua tình thế ấy.*

**\*\*\***

*Cho nên, nếu chỉ chia rẽ về chính kiến thì không đáng lo: đáng lo là sự chia rẽ về tư lợi. Nếu ai cũng vụ sự công ích của đoàn thể, thì dầu chính kiến khác nhau cũng có thể hợp tác được. Chính kiến tuy khác nhưng công tâm là một, nói tóm lại người ta có thể «**dị kiến, mà đồng tâm**».*

---

#### **THỐNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI:**

**Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để trong nước rối ren. Chính phủ phải được nhân dân trọng vọng mà tuân theo.**

---

# Những chính sách về TIỀN TE VÀ HỐI DOẠI

VU VAN HIÊN

Trong chế-độ tư-bản, kinh-tế căn-cứ vào giao-dịch, sự sản-xuất và tiêu-thụ tang giảm theo *giá* cao hay hạ. Để tính giá hàng hóa hay công lao, người ta cần dùng đến *tiền*, cũng như để đo dài ngắn thì người ta cần đến thước và để lường nặng nhẹ thì người ta cần đến cân.

Nhưng cân và thước chỉ là những đơn-vị trừu-tượng để đo tính; còn tiền thì vừa là một đơn-vị để đo lường giá cả lại vừa là đồ vật có giá-trị riêng trong không-gian và thời-gian.

Về thời-gian, tiền là một lợi-khí để tích-trữ giá trị của hàng hóa hay công-lao: một người dân quê bán một tạ thóc, một người thợ làm việc trong một ngày có thể đổi thóc hay công lấy một đồ-vật để dùng ngay; nhưng cũng có thể lấy tiền đem về, hai ba tháng hay một năm sau mới đưa ra tiêu-dùng; trong thời kỳ hai ba tháng hay một năm ấy, giữ đồng tiền tức là họ đã nắm được trong tay giá của tạ thóc hay công một ngày làm việc.

Về không-gian tức là đứng về sự giao-dịch quốc-tế thì tiền tệ một nước chỉ là một thứ hàng hóa, một thứ hàng có những tính-cách đặc-biệt, nhưng giá-trị cũng như giá-trị các thứ hàng khác theo luật cung-cầu mà lên xuống. Khi một nước A phải chi ra ngoại-quốc nhiều mà thu về ít, thì nhiều người đem đổi tiền nước đó lấy tiền ngoại-quốc hay lấy vàng để giả ở ngoài, giá tiền A vì thế sẽ bị hạ. Nếu sự chênh-lệch đổi ngược lại, có nhiều người xô nhau mua tiền A để giả cho người A hay để gửi vào nước A thì so với tiền ngoại-quốc, tiền nước A sẽ cao giá.

Sự đổi-trắc, mua bán tiền nước nọ với nước kia gọi là hối-đoái (*change*) còn giá hối-đoái (*cours du change*) (cũng còn có thể gọi tắt là hối-

đoái không thôi) tức là giá đồng tiền ngoại-quốc tính ra tiền trong nước.

Dưới đây ta sẽ có dịp biết rõ thêm về sự tang hạ của hối-đoái, nay ta hãy chỉ nên nhận rằng hối-đoái tức là giá-trị của tiền-tệ về phương-diện quốc-tế còn ở trong nước thì giá-trị tiền-tệ suy-diễn ra thành giá hàng hóa và công-lao.

Về hình thức, tiền có thể là những đồng vàng bạc hay kim-khí đã do chính-phủ định cân và tuổi; hay là những giấy bạc do công-khố hay ngân-hàng có đặc-quyền phát hành để thay cho vàng, bạc.

Nhưng tiền cũng có thể là những con số trong chương - mục (*compte*) ở một ngân - hàng, vì một người có một chương-mục một vạn đồng cũng có thể mua bán, tiêu-dùng như một người có một vạn đồng bạc hay vàng hay một vạn giấy bạc trong tay. Có khi những con số trong chương-mục chỉ là do một sự gửi tiền từ trước mà có; có khi đó là do nhà ngân-hàng hứa cho vay dần, mỗi khi người có chương-mục dùng đến thì ngân-hàng lại phát-hành giấy bạc. Nhưng nhiều khi người mua và người bán, người giả và người nhận đều có chương-mục ở một ngân-hàng hay nhiều ngân-hàng; đến khi giao-dịch ngân-hàng chỉ thêm một con số vào sổ của người nhận tiền và bớt một con số ở sổ của người giả là thanh-toán xong. Trong sự « chuyển mục » (*virement de compte*) như thế nếu nhà ngân-hàng đã nhận cho một bên vay thì tức là đã *phát-xuất thêm số tiền* trong khi số những đồng vàng bạc và những giấy bạc lưu-hành trong nước vẫn y nguyên. Vào

(1) Xem Thanh-Nghị số 25, 27, 28, 33, 36, 37, 41, 46, 55 và 57.

trường-hợp ấy, tiền chỉ là những con số trong sổ của các ngân-hàng. Ta cần phải nhận rõ điều ấy vì ở các nước tư-bản, những món tiền to đều giá theo lời « chuyên-mục » cả.

Nhưng bằng kim-khí, bằng giấy hay chỉ là những con số vô-hình, tiền vẫn có những tính-cách và công-dụng kể trên kia : ở trong nước thì làm tiêu-chuẩn cho sự tính giá, và làm lợi khi để tích-từ giá-trị ; đối với ngoại-quốc thì chỉ là một thứ hàng ; khất-thuận dưới luật cung-cầu.

Vì thế nên tiền-tệ trong một nước phải đủ nhiều điều-kiện :

Một là phải nhất-định và bền-vững. Nếu đồng tiền không nhất-định thì sự giao-dịch bị đình-trệ, không khác nào như trong sự buôn bán mà cái thước đo có lúc dài lúc ngắn, cái cân đo lường có lúc nặng lúc nhẹ. Nếu đồng tiền không bền vững thì xã-hội thành ra một sông bạc lớn : người bán một tạ gạo được ba mươi đồng, cầm năm giấy bạc mấy tháng sau chỉ còn giá như mười đồng ; trái lại người vay một nghìn bạc bây giờ, một năm sau chỉ còn giá bằng một tram ! Sự thiệt-lợi như thế hoàn-toàn là do ở may hay rủi.

Điều-kiện thứ hai là tiền phải căn cứ vào thứ gì được nhiều người ưa thích mà không những ưa thích bây giờ mà còn ưa thích mãi về sau. Tiền không những là một đơn-vị trừu-tượng để đo, để tính mà thôi, nó còn là một thứ hàng hóa có thể đổi lấy hàng hóa khác, nó còn là một vật đã được xã-hội công-nhận cho một giá-trị riêng. Vậy cái xã-hội ấy càng rộng thì tiền càng có giá-trị.

Ngày xưa và hiện nay ở nhiều miền ở châu Phi, Úc, Mỹ và Á, đã có những thổ-dân dùng cá khô, vỏ hến, thủy tinh, đinh, trè gỏi v. v. để làm tiền ; nhưng các thứ tiền đó không thể lưu-hành ra ngoài một khu vực rất nhỏ hẹp được. Khi xã-hội đã tiến-hóa, và nhất là khi sự giao-dịch đã lan rộng ra từng lục-địa và ra khắp cả thế-giới thì tiền cần phải căn cứ vào một thứ được nhiều người chuộng mua.

\* \* \*

Đề có một thứ tiền hợp đủ hai điều-kiện trên đây, suốt trong thế-kỷ 19, các nước tư-bản Âu-châu đã lần lượt căn cứ tiền tệ vào vàng.

Ngay từ 1816 nước Anh đã định rằng đồng Livre sterling là 7gr22 vàng nguyên chất ; sang giữa thế-kỷ 19, các thuộc-quốc của Anh và nhiều nước khác như Đức và các nước ở Bắc-Ấu cũng theo « Kim-bản-vị » (étalon-or). Hoa-Kỳ và Pháp thì định giá tiền vừa theo vàng vừa theo bạc, như thế bắt buộc chính-phủ phải định rõ là một phân vàng thì bằng bao nhiêu phân bạc. Thí dụ : theo luật 1803 ở Pháp thì cứ một cân vàng bằng 15 cân 5 bạc.

Nhưng sau 1850 vì tìm thấy nhiều mỏ vàng ở Californie và Australie nên vàng so với bạc mất giá, rồi từ 1871 vì tìm thấy nhiều mỏ bạc ở phía tây Hoa-kỳ nên lại đến lần bạc mất giá. Vì thế nên từ 1865, Pháp cùng các nước ở Âu-châu còn dùng bạc phải ký hợp ước định rằng trong sự giao-dịch tư-nhân có quyền không nhận bạc quá một số tiền là 50-quan như thế là chỉ còn vàng làm căn-bản cho tiền. Hoa-kỳ cũng theo chính sách ấy từ 1873 và tới 1900 thì theo hẳn kim-bản-vị.

Sang đầu thế-kỷ 20, nếu ta trừ vài nước ở Viễn-đông, như Trung-hoa, Ấn-độ, Đông-dương là những nơi còn giữ ngân-bản-vị, còn thì tuy cũng có nước vẫn còn có luật pháp định tiền theo cả vàng lẫn bạc, nhưng thực sự thì vàng đã thành căn bản cho tất cả các thứ tiền thông dụng trong thế giới, *livre sterling* của Anh, *dollar* của Mỹ, *franc* của Pháp, *lire* của Ý v.v... và cả *rouble* của Nga và *yen* của Nhật là hai nước to độc-lập ở ngoài phạm vi Âu-châu.

Nhưng trên kia ta đã thấy rõ trong chế độ tư-bản, tiền tệ không những là vàng bạc mà còn là những giấy bạc ; và những con số trong chương mục các ngân hàng mà người ta còn gọi là hoạt-kỳ tồn-khoản (dépôts à vue) vì đó là những khoản khi đòi đến thì ngân-hàng phải trả ngay bằng tiền.

Muốn cho tiền giấy và các hoạt-kỳ tồn-khoản cũng có căn-bản chắc chắn, như tiền vàng, các chính-phủ lại bắt buộc những ngân-hàng phát hành giấy bạc (gọi tắt là ngân-hàng) phát-phiếu banques d'émission phải trữ sẵn một số vàng bạc (encaisse métallique) để giấy bạc và những con số trong chương-mục có thể luôn luôn đổi ra vàng hay bạc.

(Xem tiếp trang 24)

# **== VAN-DE SU' LIEU ==**

## **trong su' hoc nu'oc ta ngày nay**

THANH TUYỀN

Bàn đến sử-học nước ta, nói đến công trình trước thuật về Nam-sử do người Nam chủ trương, chúng ta không thể không cảm thấy những nỗi thiếu thốn, hỗn độn, đáng buồn và đáng tiếc.

Không phải là người mình xưa nay đã quá lãn đạm với sử nước mình,

Cũng không phải là phải tri thức nước ta xưa nay chỉ có một lũ « Tịch đàm vong tổ » bàn tán những chuyện dẫu dẫu thì giỏi, mà nói đến sự nghiệp tổ tiên thì ù ù, cạc cạc, chả biết mỗi manh nào.

Nếu như ta nhớ lại rằng vào đầu khoảng thế kỷ thứ mười một, một vương triều đã chú ý đến việc biên chép bộ Ngọc-diệp, thì ta nhận thấy sử học nước ta đã có mầm có móng hơn tám trăm năm nay

Về hồi Hán học còn chỉ phổis tư tưởng nước ta nhiều nhà nho đã lưu tâm đến sự khảo cứu và biên tập những bộ sách có giá trị. Từ lúc ba mươi quyển bộ « Đại việt sử ký » của Lê văn Hưu ra đời (1276), cho đến bốn tập Xuân, Hạ, Thu, Đông, của bộ « Trung học Việt sử lược » mà Ngô-giáp-Dậu viết vào đầu thế kỷ này, nhiều nhà học giả đã góp một phần công lao khá to vào sử-học như : Lê Tắc Ngộ sĩ Liên, Lê quý Đôn, Ngô thời Sĩ, Bùi dương Lịch, và các nhà nho có chân trong sử quán về đời Minh Mạng, Tự Đức. v. v...

Sau lúc học Quốc Ngữ đã chiếm lấy địa vị của Hán học trong học giới nước ta, thì khoa Nam-sử vẫn được các nhà học giả chú ý đến. Một lớp tân học lại tiếp tục công cuộc nghiên cứu và đang cố công xây đắp lấy một nền sử học nước Nam bằng tiếng Nam. Ngoài những bài khảo cứu về các vấn đề đặc biệt mà hàng ngày ta được đọc ở trên các báo, các tạp chí, chúng ta cũng đã có những bộ sử Nam bằng quốc ngữ, thích dụng cho các lớp trung học và tiểu-học.

Bấy nhiêu công-phu không nh «ng đã chứng thực sự cố gắng của các nhà học giả, lại còn đảm bảo cho những sự hứa hẹn về tương lai học thuật nước mình nữa.

Tuy vậy chúng ta không thể chối rằng : « Kho » sử nước nhà hiện nay vẫn còn nghèo, còn thiếu thốn nhiều nỗi.

« Nếu như một người ngoại quốc hỏi chúng ta : muốn dùng một bộ sách viết bằng tiếng Nam để

nghiên cứu sự Nam thì ngoài bộ « Việt Nam sử lược » của Trần trọng Kim và bộ « Việt Nam văn hóa sử cương » của Đào duy Anã thật chả biết giới thiệu cùng người ta bộ nào nữa ? sách vở về quốc sử thiệt ít ỏi quá ! »

Vâng ! It ôi quá ! Thiếu thốn nhiều quá ! Nước ta chưa có những bộ chuyên sử về kinh tế, về chính trị, về văn hóa, về binh chế, điền chế, về tiền tệ, về ngôn ngữ, v. v...

Thiếu thốn nhiều quá ! Nước ta chưa có những bộ lịch sử, xã hội sử cho tương tận về liên sử, về chế độ phong kiến, về các giai-đoạn phát triển của dân tộc ta.

Thiếu thốn nhiều quá ! Trong những tác phẩm đã ấn hành, trong những bài nghiên cứu, trong những sách vở hiện đang thông dụng, ta thấy rằng mấy nghìn năm lịch sử còn nhiều cho trông không, và sinh sắc của những thời kỳ dĩ vãng còn rất hời hợt !

Với bấy nhiêu năm công phu, ông Trần-trọng Kim cũng đành chỉ có thể theo cách biên niên, theo triều đại mà chép một bộ « sử lược ».

Theo rồi một con đương mới, chứa chan ý nghĩa khoa học và xã-hội, ông Đào duy Anh cũng van mới có thể chỉ cho ta một ít « sử cương ».

Nếu như trong lúc nói đến lịch sử ng bộ sử viết bằng quốc văn, tôi chỉ nhắc đến tên ông Trần và ông Đào là vì hai bộ sách này hiện nay, theo chỗ tôi biết, là thông dụng hơn hết. Và nếu như còn những tác phẩm nào bằng quốc văn và có giá trị hơn, mà tôi không nhắc đến, thì tôi trân trọng xin lỗi cùng tác giả về sự hời hợt học, sự ngạo mạn ấy. Chẳng qua chúng ta còn phải nhận rằng : sử học nước ta hiện giờ còn ở trên một trình độ ỉn trỉ còn cần phải xây đắp vào, họa chẳng một ngày kia mới có những bộ lịch sử có giá trị, xứng đáng với cái tên của nó.

Sử học nước ta ngày nay đề khởi hai vấn đề quan trọng.

- 1-) Vấn đề phương pháp, đặc biệt về mặt sử quan
- 2-) Vấn đề xử liệu,

Về vấn đề phương pháp, nói rộng ra thì nó còn can hệ đến cả toàn thể các hệ thống tư tưởng nước ta, trong trình độ hiện thời của văn hóa dân tộc. Gặp lại cho kỹ thì trên cơ sở học thuật nước ta hiện giữ bất kỳ sử học hay triết học, văn học hay mỹ thuật, chính trị hay kinh tế, luân lý hay thực nghiệp, bất kỳ bộ môn nào chúng ta còn cần phải đồ khới và kiểm điểm lại vấn đề phương pháp. Chúng ta còn phải xét lại những quan điểm ngày xưa, đem tư tưởng ta đã hấp thụ được mà đối chiếu với sự thực, bỏ hết những thành kiến hủ bại của khối óc nhà nho, của tư tưởng cũ từ và so sánh những quan điểm học giới nước ngoài trong hiện giờ, để bước tới mà lĩnh hội cho được những phương pháp khoa học. Có công phu ấy mới mong rằng sinh hoạt tinh thần của nước nhà sẽ có cơ tiến triển. Riêng về sử học, những quan điểm ngày xưa về nhân vật, về xã hội, về luật tiến hóa cũng cần phải phê bình và định chỉnh. Đây là điều kiện rất cần thiết cho sự tấn bộ của khoa lịch sử trong văn học nước ta ngày sau. Một nhà sử học, một nhà học giả, trước hết phải lấy sự thực làm mục đích duy nhất. Không có thói xấu gì phạm khoa học hơn là tinh thần nô lệ của những khối óc lười biếng, kiêu căng.

Trong lịch sử văn học, chính trị, ngày nay chúng tôi chưa dám mong rằng chỉ ngày mai, ngày kia, chúng ta đã có thể viết ngay một bộ sử hoàn toàn và xác thực. . . . . một bộ sử sẽ phả bày hết chân tướng xã-hội nước ta ngày xưa, . . . và ngày nay. Báo Thanh Nghị chủ cố gắng làm một công cuộc dự bị rất giản dị, rất « modeste » trong sự gây dựng sử học tương lai ấy là việc sưu tầm tài liệu. — (Lẽ dĩ nhiên là trong lúc góp nhặt sử liệu, chúng ta cũng có cần chút ít phương pháp). Thanh Nghị cũng không dám tự hào rằng : chỉ lập ra một bộ biên-lập, một ban phụ trách là có thể chóng chắt ngay lên những kho tàng tài liệu cao rộng để cho hết cả mọi người có thể phân đầu ngón tay mà tìm lấy mọi thứ tài liệu cần cho sự khảo cứu. Chúng tôi mong rằng sự ủng hộ của tất cả các bạn có lưu tâm đến sử học sẽ giúp đỡ cho tôi được về nhiều phương diện.

Trách nhiệm chúng ta ngày nay là trước hết phải đem bao nhiêu « nguồn sử liệu » mà công bố để cho người sau có « bột khuấy hồ »,

Một phần sử liệu ngày nay còn tản mát trong các sách vở viết bằng chữ Tàu, hoặc bằng tiếng các nước xưa nay đã cùng nước mình giao thiệp. Bấy nhiêu tài liệu, có thư còn đương « ngủ » trong các thư viện các nước và nước mình, hoặc ở trong các thư phòng của các nhà tư. Vậy chúng ta cần lựa chọn trong bấy nhiêu « Di-Mã » có những bài nào có quan hệ đến lịch hình chính-trị, đến sinh hoạt xã-hội, mà

phiên dịch thành tiếng quốc ngữ và công bố ra. Riêng về tài liệu ở trong nước thì khó in ước, hương thư của các làng phong-thô-ký của các xứ gia phả các họ lớn (cư tộc), thư từ của các danh nhân ngày xưa, cho đến thư trướng, thi văn, hễ có những bài hoặc những câu gì có tính cách lịch sử xã hội sẽ là ta nên chép lấy, để ra quốc văn (văn, hay hơn nữa, là so sánh với những tác phẩm cùng một thì, hay là cùng một tính cách) để có thể phân ra và đi đến một câu kết luận gì cho phân minh và xác thực về chính trị, kinh tế, phong tục, văn học, ngôn ngữ, kiến trúc v.v.

Ngoài ra còn những bài hịch, thơ, văn, hoặc ca, kịch mà vì những lẽ rất dễ hiểu hiện nay chỉ còn truyền tụng, chúng ta cũng nên sao lấy và, nếu có thể, thì đem mà chú thích về niên đại, về ý nghĩa lịch sử, để mà công bố ra. Nếu như nguyên-văn viết bằng chữ Hán, thì dịch ra ; nếu là một bài bằng tiếng ta thì chép lại cho tương tuyền. Những sử liệu kìn-kho của đời chúng ghi lại trong một câu ra một vần thơ có thể cho chúng ta những tia sáng rất quý báu về tình-hình sinh-hoạt của xã-hội, về chế-độ chính-trị trong một thời-kỳ.

Một nguồn sử nữa là khi xưa ngày xưa. Một mảnh bát lim được đào lượi bữa khảo cổ, một tấm áo, một thoi tiền cũ, một thanh gươm, cũng là những sử liệu đáng quý « Một thoi dĩ vãng, mà hiện giờ chúng ta không giữ được một mảnh áo một cái « thực đơn » (menu de repas) là một thời kỳ hoàn toàn thất lạc, một sự thiệt thối cho hậu bối chúng ta ngày nay ». Câu nói trên đây của một nhà văn học sử, đem mà ứng dụng vào sử học lại càng có ý nghĩa.

Trong công cuộc sưu tầm, chúng ta không nên quên rằng : tài liệu lịch sử không phải chỉ là những sự trạng đã ghi chép « đại thư, đặc thư » ở trong các bộ chính sử mà thôi. Nhiều nhà sử chỉ vì không có một sử quan xác đáng nên mặc dầu họ đã được chứng kiến những sự tình cách lịch sử mà họ cũng không hề đem kiến văn ấy mà vận dụng. Ấy là chưa nói đến những nhà trước-thuật vì sợ hãi, vì lợi riêng mà chép tắt cả sự thực. Về phương diện này, những tài liệu còn nằm trong các bản thảo, trong các « từ trái văng lai » của các danh nhân ngày xưa, có thể cung cấp cho chúng ta những văn-kiện để duyệt lại những chỗ quờ dảng, những chỗ sai lầm của « chính-sử. »

Trong một thiên tùy bút, một bài thơ của một nhà sư-thần tần, hoặc một nhà đại-lịch ngày xưa, chúng ta cũng có thể nhận lấy một vài tia sáng về sự giao-thiệp của nước ta với các nước ngoài. Một tập nhật trình của các cụ ngày xưa, một tập kỷ-thực như tập Phủ-biên tập-lục của Lê quý Đôn, một thiên tâm-sự như tập Địch-trường-lục của Phạm-nguyên-du, cho đến một bài ca-di-đường của các chủ lái gỗ xứ Nghệ, một bài ca linh-mộ xứ Thanh, đều có khác nhau về văn thể, về giá trị văn chương về ý

nghĩa của sử sự, thì vẫn có những đoạn có căn hệ đến chính trị, đến tình hình sinh hoạt về mặt tinh thần hay vật chất của dân tộc, của các giai cấp xã hội trong những thời kỳ đã qua. Nếu ta chịu khó và biết ghi chép lại cho có hệ thống thì những dịp ngẫu-nhiên mà ta được gặp trong khi đọc sách, hoặc trong khi du lịch, cũng có thể là những cơ hội may mắn cho công cuộc sưu tầm sử-liệu.

...

Sự sưu tầm sử-liệu ngày nay phải thỏa mãn hai điều kiện :

Một là đầy đủ : càng nhiều càng hay.

Hai là xác thực : nghĩa là phải có đảm bảo chắc chắn.

Chúng tôi chắc rằng : nhiều bạn đọc hiện nay đã góp nhặt được những tài liệu về một vài bộ môn trong sử khoa ; hơn nữa : có bạn đã sắp đặt những tài liệu sưu tầm được theo hệ thống, theo phương pháp phân loại. Nếu như trong công cuộc dự-bị khởi thảo một bộ chuyên sử — (hay một bộ thông sử cũng vậy) trao đổi ý kiến và thảo luận, về giá trị sử liệu có thể là những cơ hội tốt cho các nhà học giả giúp đỡ lẫn nhau, thì báo Thanh-Nghị sẽ rất lấy làm hân-hạnh được làm môi giới trung-gian cho tất cả các bạn có lưu tâm đến sử-học.

Trong khi đi du-lịch, trong lúc đọc sách cũ, như các bậc tiền bối và các bạn thanh-niên, có ai « may tay » tìm được những bài di-văn, hoặc thấy những di-tích gì có tính cách sử-khoa, chúng tôi mong rằng các ngài sẽ vui lòng đem mà công bố, để giúp vào công cuộc biên-lập lịch-sử, xã-hội-sử sau này.

Sử liệu có thể là một đồ dùng ngày xưa, trong một thời kỳ nào đó sót lại đến ngày nay. Chúng tôi mong sẽ được một hình vẽ, một bức ảnh, một bức croquis hoặc ít dòng mô tả cho xác thực về gốc tích nguyên-liệu, trọng-lượng, sắc-màu, chiều-cao, chiều-ngang dọc, sự dùng...v.v.

Nếu như sử-liệu là một áng di-văn bằng chữ Hán chúng tôi sẽ xin một bản dịch và một bản sao y nguyên-văn để so sánh. Nếu nguyên văn bằng tiếng nôm, thì xin y theo nguyên văn mà chép ra quốc-ngữ.

Riêng về lỗi chép sách, các nhà nho ngày trước cũng đã có một cách sao lại rất hay, là cứ chiếu theo nguyên bản mà chép lại, theo y số trong giấy, số hàng trong mỗi trang, số chữ trong mỗi hàng và một chữ của mỗi chữ. (Dầu thấy có chữ sai lầm, hay bị đứt thì cũng chỉ vẽ vào dưới bản sao mà thôi). Đây là một phương pháp sao lại rất tốt ta nên noi theo trong lúc biên chép một bản sách cổ, bất kỳ sách viết hay sách in. Trong bài lai cáo các bạn sẵn lòng gửi cho tòa báo, chúng tôi chỉ yêu cầu các bạn chép cho rất đúng, không cần nề hà gì về một câu văn một-mặc, một chữ quẻ kịch mà thay đổi chữ này ra chữ kia. Nếu như vì thiếu thì giờ

không thể viết một bài lai cáo, mà các bạn có nhệch cho chúng tôi được phép đọc và biên dụng một sử liệu, thì chúng tôi sẽ sẵn lòng gửi lại bản trả lại ngay khi chúng tôi đã tra khảo xong.

Tuồng không cần nhắc lại rằng : lai-lịch của sử liệu là một điều kiện rất cần thiết cho sự phê-bình về giá trị của nó sau này. Vậy hay như là trong lúc gửi cho tòa báo những sử liệu đó, các bạn sẽ cho chúng tôi một vài lời dẫn-giải và giới thiệu chỉ rõ :

Sử liệu hiện còn có di-tích trong sách, vở, khi cụ, hay chỉ còn truyền khẩu ? Nếu là một câu chuyện truyền khẩu thì nghe ở vùng nào ? Người nào kể lại ? Nếu có một bản sách thì bản sách ấy in hay viết ? In về hồi nào ? Ai chép lại ? Thư-phòng còn chưa bộ sách ấy là của nhà nào ? Khi cụ tìm ra ở đâu ? Hồi nào ? Ai đã sưu tầm ra ? Có những đảm bảo gì về tính cách xác thực của sử liệu ? Về thân thế, về nhân cách của người đã viết ra, đã chép lại hay đã tìm được, đã truyền lại ? Xung quanh sử-liệu, còn có những câu khuyết-nghi gì hay không ?

Thời kỳ này mới là bước đầu tiên trong công cuộc dự-bị cần thiết cho sử học ngày sau, lẽ cố nhiên là một vài công cuộc phát-kiến (déconverles) trong bấy nhiêu bộ môn của sử học chưa có thể gọi là hoàn toàn, đầy đủ được. Chúng ta còn cần tìm tòi so sánh, nhận xét, phê bình nhiều nữa. Tuy vậy, góp nhặt lại để gìn giữ lấy, và công bố ra là trách nhiệm chúng ta ngày nay. Còn như sự vận dụng sử liệu để đi tới một câu kết luận xác đáng về lịch-sử hay xã hội sử, còn là công việc ngày mai.

Mục đích sử học trước hết là chủ trọng đến sự thực, hơn là những câu chuyện truyền-khẩu. Những câu chuyện lạ lùng đều là những câu chuyện hiếm hoi và bao giờ cũng mang theo những nét tô vẽ của trí tưởng-tượng. Một mặt nữa, trừ những trường-

PHÁT HÀNH LẦN THỨ HAI

**PHẨM THAI** (giác mộng Tiểu Sơn)

Kịch bằng thơ của **PHAN KHẮC KHOAN**

Tất cả chỉ nguyên của những tranh ảnh hùng trung nghĩa, Cảnh luân lạc của một bà Hoàng Phi. Những văn thơ hùng hồn và thống thiết. Đã trích dẫn 2 lần. Sẽ do ban kịch **Quê Hương** trình bày lại cả toàn vở.

**VIỆN SÁCH QUÊ HƯƠNG**

**ĐÃ XUẤT BẢN**

**TRẦN CAN — LÝ CHIÊU HOÀNG**

(Kịch thơ đã diễn nhiều lần — hết)

**HƯ VÔ** (thơ Ba Tru, 1 \$ 20)

**XÀ XÀ** (thơ mùa biển 2, 00)

TỔNG PHÁT HÀNH

**Quốc Hoa Thư Quán — Thanh-Hóa**

hợp tác biết, những nguy hiểm biến ra, thì sinh-hoạt vẫn là một câu chuyện bình thường, bằng phẳng trong trạng-thể của thời gian. Vậy nên trong lúc khốn khổ chúng ta không nên khinh thường bỏ lãng những việc nhỏ có quan hệ đến sự sống hằng ngày của đời chúng mà chỉ chú trọng đến những chính-sách vớ vẩn những chiến công lừng lẫy, — như ông « anh thanh vĩ-liệt của triều » mà thôi. Trước tâm mắt nhà sử-học sau này, biết đâu những câu chuyện rất tầm thường như giá « bát gạo Đồng nư » hoặc chuyện vặt vãnh « năm Thìn nam Tý » lắm lúc không qua 1 hệ hơn là số hạt ngọc chói lọi trên đầu vua Thánh tổ, Thánh-tôn? Một điều chắc là muốn giữ lấy như ông « kỷ công » lấy lòng thuở trước, chúng ta vẫn sẽ luôn luôn phải chú ý đến những hiện-trạng rất đơn-giản, đến tình-hình sống hằng ngày của bọn thường-dân trong các thời kỳ lịch sử.

Trên g ai đấ Ba Kỳ này, sau hai mươi n. này thế kỷ, lịch sử dân tộc ta đã gây dựng trong công cuộc phấn đấu hàng ngày cũng nhân quần, cùng thiên nhiên. Sự sinh tồn của nòi giống vẫn luôn luôn phải gòn giữ vor bỏ hời, nước mắt, với nhiệt huyết, với hy vọng của mấy mươi thế kỷ. Về vãng hay buồn tẻ, thì cuộc vẫn lại là một thiên lịch sử. Mà nói cho chung thì dân bộ sử đó có không đẹp để được như sự tưởng tượng của các nhà văn Lãng Mạn đi nữa

sự thực của lịch sử vẫn có thể bổ ích cho tương lai nước nhà. Chúng ta cần mô tả tất cả sinh sắc của dân tộc trong thời dĩ vãng, chúng ta còn cần nhiều tài liệu đầy đủ, và xác thực, mới có thể thực hiện được mục đích chân chính của một nền sử học chân chính.

Mới đây, nghe đâu ở Mỹ có một nhà cự phú muốn xuất bản một pho lịch sử địa phương về một tỉnh thành trong nội địa nước Mỹ. Thế rồi nhà cự phú đã đem hết tiền của ra mời người đi, và dùng bao mua hết bao nhiêu những văn chương, di tích khi cụ, bao nhiêu tài liệu có quan hệ đến dĩ vãng của địa phương đó. Rồi trong mấy tháng giờ ngày nào cũng có mấy xe chở sử liệu về đó thành; rồi sau mấy năm sưu tầm, và mấy năm sắp đặt nghiên cứu một lớp sử gia đã viết được một pho sử địa phương rất có giá trị.

Nước ta ngày khó mà mong vào một cử chỉ vĩ đại của một nhà cự phú. Chúng ta sẽ chỉ có thể tin ở nghị lực, ở công tâm, ở sự tin tưởng của tất cả các phần tử giác ngộ. Không có thể kinh doanh theo thể thức mỹ (à l'américaine), có lẽ chúng ta sẽ bó tay, rất ngời bút ngời chịu vậy hay sao? Không! chúng ta phải tin chắc rằng sự tận tâm của mọi người trong hồi này, sẽ là điều kiện cần thiết, là mầm mống của bộ sử hoàn bị tường tận và xác thực sau này.

THANH TUYẾN

== V H U - X Ì ==  
**ALEXANDRE DE RHODES**

MỜI XUẤT BẢN:

# LÊN TÂM

của TẢN-ĐÀ

84 trang bìa, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tản-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50  
Bản giấy Bại-La .. .. 6,00  
cước .. ..

== TỔNG PHÁT HÀNH ==  
**MAI-LINH — HANOI**

SẮP CỎ BÁN

## NGUYỄN CÔNG TRƯ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

- Nguyễn công Trừ và đẳng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào?
- Cối rế xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn công Trừ.
- Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trừ có mâu thuẫn với chí nam nhi của ông không?

ĐÃ CỎ BÁN

**KINH TẾ HỌC**

phổ thông

Của NGUYỄN HẢI AU

giá 3\$50

== HAN THUYỀN ==  
71, Tiên-Tsin — HANOI,

# NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

(NHÂN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH MỚI)

DINH GIA TRINH

(Tiếp theo)

Phương pháp khoa học chủ ở khách quan. Khách quan chủ ở sự không có thành kiến và gác bỏ tình cảm. Tác giả cuốn *Nguyễn-Du và truyện Kiều* đã không giữ được khách quan trong phê bình như ông muốn, thật là một điều đáng tiếc.

Phương pháp khoa học lại còn chủ ở sự tìm tài liệu xác thực, dùng những tài liệu ấy một cách thận trọng và suy luận không hấp tấp. Ông Nguyễn-bách-Khoa đã có lúc làm việc sai với phương pháp ấy. Ông thấu nhận rất dễ dãi những tin tưởng về ảnh hưởng của khí hậu, thổ nhưỡng và vị trí địa dư đối với cơ thể và tâm tính người ta (nó vốn là một thuyết đúng sự thực, nếu ta định rõ giới hạn hiệu lực của nó). Ông công nhận một cách rất dễ dãi rằng « dân Nghệ, Tĩnh đã được vị trí địa dư và lịch sử rèn đúc cho một tính thần chiến đấu dũng cảm », Hồi ông can cứ vào đâu mà kết luận chắc chắn như thế. Ông can cứ vào một chuỗi thí dụ những bậc anh hùng quê ở vùng Nghệ, Tĩnh, mà không một lúc nào diễn rõ cái lối tác động của khí hậu, vị trí địa dư đối với cơ thể người ta, rồi đối với tâm linh người ta. Kể ra nếu đem những chương giảng dẫn như thế vào một quyển sách phê bình văn chương thì cũng vô lý thực, nhưng tác giả đã tuyên bố làm việc dưới quyền lực của khoa học, thì phải theo đòi tinh thần khoa học cho đến cùng, dù cho tác phẩm phê bình có trở nên một ngăn rút hỗn độn cũng chịu vậy chứ sao ! Không thế, tác giả hình như cho rằng ảnh hưởng của khí hậu, phong thổ, đối với cơ thể và tâm hồn người ta là một chân lý hiển nhiên rồi. « *Vùng Thanh Nghệ đã chứng tỏ, suốt trong sử Việt-nam, cái sức mạnh ẩn trong khí tượng (!) núi sông, rừng biển của nó* ». Phải chăng đó là luận điệu của một nhà khoa học ? Lại khi nói về

tỉnh Bắc-ninh là nòi quê quán của mẹ Nguyễn-Du, sự phản ngược lại tinh thần khoa học mới lại càng rõ rệt hơn nữa. Ông Nguyễn-bách-Khoa cho rằng Bắc-ninh là một tỉnh phong tình điển lệ, và cuộc sống ở đấy thanh lịch và nhân tâm vô cùng. Theo ông thì người ta ai ai cũng vui sướng du dương, thanh lịch, giàu tình cảm ở « *rừng song thân tiên ấy* », và bất cứ một ngời đàn bà nào sinh quán ở Bắc-ninh cũng phải có những đức tính ấy. Vì thấy Nguyễn-Du có cốt cách tài hoa, ông cho cái mầm tài hoa ấy do mẹ truyền cho. Vậy mẹ phải tài hoa. Muốn chứng minh rằng mẹ tài hoa và phong tình ưu du, đáng lẽ ông phải điều tra về cái tài hoa và phong tình ưu du ấy ở chính cả nhân của bà mẹ Nguyễn-Du mới phải (thí dụ xét tiểu sử đời bà, thư từ bà gửi cho con cái, hoặc văn thơ của bà nếu bà có viết văn, hoặc những khỏe tài tình của bà, tóm lại những phát biểu của tư tưởng và tính tình của người ấy). Không thế, ông tin và bắt chúng ta tin rằng bà mẹ Nguyễn-Du tài hoa và phong tình ưu du là bởi bà sinh ở Bắc-ninh, mà Bắc-ninh là một đất tài hoa và phong tình ưu du ! Phương pháp khoa học của tác giả thực không khoa học một chút nào ! Các học giả ở Âu-châu chủ trì cái thuyết khí hậu và vị trí địa dư ảnh hưởng đến con người ta còn thận trọng hơn ông nhiều lắm, và không bao giờ có lối lập luận đơn giản ấy. (Chỉ kể một tác giả Pháp là Montesquieu trong quyển *Esprit des Lois*). Tác giả tình không rói qua gì về thân thế, hành vi của bà mẹ Nguyễn-Du (có lẽ bởi thiếu tài liệu). Đọc tác giả ta cảm thấy như ở đất Bắc Ninh có một sức huyền bí gì, lên trên cõi thực nghiệm, nó khiến cho con cái của đất ấy đều có mang máu phong tình tài hoa trong huyết quản từ lúc sinh !

Phải chăng đó là khoa học ? Ấy là chưa nói đến giá trị sự điều tra của ông. Ông viết : « *Bắc-ninh là một lý tưởng sinh hoạt vô cùng tạo*

*hã, vì câu người nhân bản, vô cùng thú vị. Nhựa sống ở đây không lộ ra bằng những cánh ray tay mịn mịn để dính cơm dẹt áo, không lộ ra về một hung bạo của những phrông chúng hư danh, thêm lâu cao gác lư. Ở đây nhựa sống truyền thành những mi thanh mục tú, những giáng điệu mềm mòng, những cảnh & chàng ngồi đọc sách, thiếp ngồi quay tơ », những buổi hội họp nam nữ dưới bóng trăng trong, những câu ca tiếng hát vang lừng trong các nhà tranh êm ái ». Cũng là: « Bắc ninh là đất của ái tình ! ». Kể viết bài này, giống giới sinh quán ở Bắc ninh, và đã có dịp sống thân mật với tỉnh đó, tuy không nói rằng những nhận xét ấy hoàn toàn sai lầm, nhưng đành quyết rằng nó quá đáng, và là kết quả của một sự quan sát sơ sài. Một « buổi tối tàn thơ » tác giả đã lạc vào « vùng sống thần tiên » đó, nghe tiếng hát quạ họ quýt rừ, đó là cái lẽ chính của sự tác giả ca tụng cái nhân bản, ưu du thanh lịch và đằm thắm của tỉnh Bắc ninh. Tỉnh cảm riêng đã ở gốc sự xét đoán. Cần cứ ở một vài điều nhận xét mà quy kết vội vàng về tính cách của cả một đoàn thể. Tinh thần khoa học đã bị gác bỏ vậy.*

\*\*\*

Những điều được xét trên đây cho chúng ta đủ quyền nói rằng: Cái phương pháp dùng để viết *Nguyễn Du và Truyện Kiều* không phải hẳn là phương pháp khoa học. Vậy tại sao tác giả lại tự quả quyết với tác giả rằng phương pháp phê bình đó là phương pháp khoa học? Điều đó rất dễ hiểu: tác giả đem khoa học, hay nói đúng hơn đem mấy thuyết khoa học mà tác giả tin yêu áp dụng vào sự khảo sát các hiện tượng văn chương. Đem thuyết khoa học áp dụng vào sự khảo sát văn chương với dùng phương pháp khoa học để khảo sát văn chương, hai điều đó khác nhau nhiều lắm. Như trên kia đã nói, phê bình theo phương pháp khoa học là điều tra tài liệu, xét tài liệu, với một phương pháp khách quan; quy phục những sự kiện; chỉ quy kết (généraliser), phát kiến những định luật khi nào đi điều tra kỹ lưỡng, thấu tỏ kỹ lưỡng ý nghĩa của sự kiện, luôn luôn kiểm sát tư tưởng mình xem nó có hợp với sự vật không, rất e dè sự bạo đoán không đủ căn cứ. Nhà phê bình theo phương pháp khoa học không phải chủ

trì riêng một thuyết khoa học nào cả (vì các lý thuyết chỉ có một giá trị tương đối), y cốt mượn của khoa học cái phương pháp tìm xét, chứ không cần mượn của khoa học cái nội dung (le contenu). tuy trong cái nội dung đó có những kiến thức mà nhà phê bình có thể dùng để làm vững thêm (confirmer) những điều nhận xét của y đã căn cứ vào sự kiện. Dùng để chứng minh (moyen de confirmation), chứ không phải dùng làm phương pháp tìm tòi (procédé de recherche).

Tác giả cuốn *Nguyễn Du và Truyện Kiều* đã dùng một ít thuyết khoa học để khảo sát, phê bình: thuyết di truyền (hérédité), thuyết ảnh hưởng của hoàn cảnh (influence du milieu), thuyết ảnh hưởng của thời khắc (influence du moment), v.v... Khi ông viết: « Phải theo đúng những định luật khoa học (khoa học nào?) thì mới tìm được lời giải thích cách cho các vấn đề... » (tr. 337), ấy là ông muốn nói đến những định luật trên, và một vài định luật khác nữa, mà ông cho là đáng, chứ không phải là ông bảo dùng phương pháp khoa học để tìm tòi. Xét đến các thuyết ông phò bầy để làm kim chỉ nam cho sự khảo cứu, ta cần nói rằng các thuyết ấy đều có giá trị cả, nhưng cái tin tưởng quá đáng của tác giả về các thuyết ấy, lối phò diễn cách tác động ảnh hưởng của các yếu tố như huyết thống, hoàn cảnh thời khắc, thường quá sơ sài, giản tiện, chẳng có miêu tả hết tinh vi, khiến cho sự thực vốn đã khó nắm được chắc chắn trong các môn học về nhân sinh, lại càng bị biến dạng thêm nữa. Hãy thử xét thuyết di truyền. Người ta nói định luật di truyền (loi de l'hérédité), nhưng định luật đây không giống định luật ở toán học, vật lý học, hoặc hóa học, có tính cách bất di dịch, bất định, mà cách phát biểu có thể tóm tắt được trong một định thức duy nhất. Ở các khoa học về nhân sinh (luân lý xã hội học v.v...), và nói rộng ra, ở tất cả các khoa học ngoài những khoa học về thể chất bất động ra, thì những định luật chỉ có một giá trị phỏng được thôi (valeur approximative). Theo lối lập luận của Nguyễn Quà thì luật di truyền động tác như thế này: cha Nguyễn Du lúc Nguyễn Du kết thai là một người có chí khí, những chí ôm mối thù hờn trong lòng, bất lực không thực hành nổi hờn. Mẹ Nguyễn Du là một người đa tình (vì quê ở đất Bắc Ninh « *Cái nhựa sống tế nhị này (nhựa*

*sống của bà mẹ), một đêm thu tịch liêu kia (!) đã giao hòa với một nhựa sống khác, để cấu tạo nên một cơ thể lạ lùng, một trái tim lạ lùng, một bộ thần kinh lạ lùng — thi sĩ Tố Như».* Nguyễn Du vì thế « *lúc nào cũng thấy luồn luồn bên mình cái khí phách tàn tạ của cha, cái phong tình ưu du của mẹ* ». Cái quan niệm xê sự di truyền đó mỗi giáp lược và thực thà làm sao ! Đó là một thí dụ của sự quan niệm một cách toán pháp những luật lệ của sự sống.

Tác giả có nói rằng còn có những yếu tố khác ảnh hưởng tới cá nhân nữa (hoàn cảnh, thời khảo), và tất cả những yếu tố còn chế hóa lẫn nhau nữa. Như thế thì yếu tố di truyền cố khi bị chế giảm sức lực đi, át đi. Thế nghĩa là luật di truyền không phải là một luật bất di dịch, không lúc nào tác động sai đường của nó. Thế nghĩa là eo thể có người chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh mạnh quá đến nỗi những căn tính di truyền biến đổi đi hầu hết. Nếu ta thêm vào rằng ở trong các yếu tố hợp lại thành cái yếu tố lớn ta gọi là hoàn cảnh xã hội, eo yếu tố giáo dục, học vấn, thì tưởng eai ảnh hưởng của di truyền lại còn cần phải quan niệm một cách thận trọng hơn nữa. Nếu sự thực là như thế thì có lúc lại dùng luật di truyền để hướng dẫn một phần quan trọng sự tìm tòi ?

Tác giả lại còn lăm cho phương pháp khoa học, khi đó chỉ là những tập quán trí thức của một nhà y sĩ và một nhà tâm lý học duy vật. Có những nhà toán học trông thấy đầu cũng là số và toán. Có những y sĩ thấy đầu đầu cũng chỉ có « con bệnh ».

Khởi đầu chương IV, nói về căn tính Nguyễn Du ta đọc thấy : « *Trước hết ta phải ghi điều nhận xét quan trọng này : Nguyễn Du là một con bệnh thần kinh* ». (tr. 120) rồi xa một chút ít : « *...một cảnh đêm thu, trong một túp lều, dưới một ngọn đèn, thi sĩ đương quần quai trên giường, vì bệnh thần kinh của mình* » (tr. 131). Ta tự hỏi : tác giả căn cứ vào đâu mà biết như vậy rằng Nguyễn Du mắc bệnh thần kinh, một thứ « *bệnh thần kinh không có sự tổn thương về khí quan ?* » Căn cứ vào những chứng ngôn của người đồng thời với Nguyễn Du, hay vào những di bút của thi sĩ ? Không thể đâu. Về di bút của Nguyễn Du tác giả có dẫn mấy câu trích

bài Mạn Hưng, bài Cổ-Cư, nhưng ư ư ư câu đó chỉ nói rằng Nguyễn Du mắc bệnh thần, chứ không nói là mắc bệnh thần kinh. Pascal cũng là người mắc bệnh, mà tư tưởng ông vẫn sáng suốt và khỏe mạnh phỉ thường. Tác giả đã căn cứ vào cái khiêu ảo giác của Nguyễn Du, biểu thị ra ở trong bài *Văn tế thập loại chúng sinh* và mấy bài thơ khác nữa. Tác giả cho rằng Nguyễn Du đã trông thấy ma quỷ thực (ở bài thơ Lam-(iang)) chứ không phải trông thấy chúng trong tưởng tượng. Căn cứ vào mấy bài thơ mà quyết đoán rằng người làm ra nó mắc bệnh loạn thần kinh đến nỗi luôn luôn trông thấy ảo hình, đã là một sự quá bạo. Gia dĩ tác giả lại không đem bằng chứng nào khác nữa về bệnh vực thuyết của ông ngoài cái lòng tin quả quyết của ông... Để chứng rằng một người trông thấy ma quỷ thực mà dẫn mấy câu tựa như : « *Tỷ ngan băng bạo lồi. Pồ g đào kiến kỷ quỷ* », thì lối lập luận ấy e khoa học không ? Nếu không có bằng chứng gì khác mấy bài thơ tả sợ hãi và sầu muộn của Nguyễn Du, thì cái mà tác giả bảo là ảo giác (hallucinations), ta cho là tưởng tượng của nghệ sĩ. Có những thi sĩ Anh Cát Lợi, Đan-Mạch, Na-Uy, thường sản thứ tưởng tượng dị kỳ, có khi quái dị ấy. Thuyết tưởng một người ban ngày trông thấy ma quỷ, ban đêm trông thấy âm hồn, tất phải là một người có bộ thần kinh rối loạn và khủng hoảng đến cực độ, và người ấy không tài nào có được cái nghệ thuật mình miễn của kẻ tạo ra truyện Kiều.

Đi xa hơn nữa, ông cho nàng Kiều là một « *con bệnh ủy hoàng và ưu uất* ». Ông chưa rõ : Kiều mắc bệnh ủy hoàng mà tiếng Pháp gọi là chlorose, « *người gầy, mắt như có nước trong con người, xanh vàng cả mặt và tay chân, chất máu đỏ bị ứa đi, sự tuần hoàn thiếu đều đặn, cơ quan tiêu hóa chậm hoạt động, cơ quan sinh dục luôn luôn nào động trong thời kỳ phát triển* » (trang 241). Người thầy thuốc đã đi xa quá. Khâm bệnh một tác giả như Nguyễn Du còn được, chứ khâm bệnh một nhân vật tiểu thuyết như Thúy Kiều mà tả bệnh như thế thì thật nực cười. Tiếc rằng ở Tây Phương chưa có ai xem mạch, kê bệnh cho những nàng Phèdre, Hermione, v. v... một cách rõ rệt, đúng với ngôn ngữ của y học như thế.

(Xemi tiếp trang 17)

# == Niềm riêng, le chung == CÂY ĐÀN VỎ CHU

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Tôi là một kẻ chưa biết chơi đàn, lại không sành thanh âm.

Chỉ hay tha thần ở mấy gian buồng lạnh của nhà đấu giá, làm quen với bụi ẩm, với những vật lặt tít người ta có lòng tốt đẩy ra đây. Muốn thương yêu, muốn hàn gắn, muốn nâng đỡ những cái sắp ải, những cái sắp nghiêng. Có lẽ để khỏi thấy mình cũng là một vật cần tái tạo.

Tôi qua lại, góc phòng này bao nhiêu lần rồi? Chiếc ghế Lô y tế tiết, bộ ấm và vai và cái đồng hồ mê ngủ kia biết đấy!

Mà tôi vẫn bỏ quên một tâm hồn trong sạch ần dưới lớp bụi dày năm. Sớm nay luồng gió chấp chôn thốc mách cổ thổi run tia nắng để cho tôi trông thấy một cây đàn bấy lâu im tiếng. Tôi vội cầm nâng ngang mày: hơi người làm tỏa những phần trắng chung quanh, chiếc « thập lục » hiện khuôn mặt thanh kỳ.

Tôi vắn lại dây, nắn lại dáng, gọi một cung trầm. Đầu từ xa lại, vài tiếng trong xanh thấp thoáng đưa lên, khiến những sợi tâm tình của tôi ngân vang trong nếp nhớ..

Dưới mái tây hiên, tối hôm nay tôi theo chiếc « mười sáu » ở một cho u nhân. Tôi đương ngồi bên ngọn cỏ đắng với bình trà hương được thì chợt từ ngoài bước vào một nhà nho the thắm khăn nhiễu. Ông xá tôi ngỏ lời muốn xem chiếc đàn đã mua cướp được lúc ban ngày. Chừng cố nhàn tìm cổ vật... Tôi giữ ý muốn lảng tránh để ông được một mình với người bạn xưa.. Nhưng ông cảm ơn, mời tôi ngồi lại và bắt đầu lên giây.

Những chiếc gảy mun xé dịch dần rồi

đứng thành vòng cung như một cái cầu mười sáu dịp. Những ngón tay dài, gầy, toàn gân, bắt đầu vờn mình rõ bước: rồi chạy, rồi lượn, rồi nhảy múa trên bấy nhiêu sợi tơ đồng nổi sóng...

Tôi chợt nhớ đến hồi niên thiếu, đến hai rặng ngô đồng cao vút ở rừng Tuyên, cùng bạn tôi phăng phăng theo hút một đám kiện thần đang quay và sắp bay qua sông.

Nhớ đến buổi làng du ở quền Ang Ngủ gió bốc đỉnh Mã Yên Sơn, nhân ngắm cánh buồm lặn bên bờ sông Đáy.

Đến Ô Quy Hồ, thác vượt qua đầu, mây chìm lưng ngựa.

Đến cuộc phiêu lưu trên « Sĩ Sản », áo màu do ba trăm sự hành lễ Hắc Long Tử.

Hồi tưởng đến mười mấy năm qua, nhớ nhung thương tiếc. Bâng khuâng như chợt tỉnh giấc mơ..

Hơi gió thổi báo lạnh đương vượt ngọn đèn dầu. Cây đàn gỗ mộc đã treo nguyên nơi vách. Qua mắt gài mấy mầu trắng sáng đang nở giỡn trên những giây căng thẳng.

Bỗng một tiếng đứt p hựt ủa một tia loáng bay theo. Tôi nhìn lại; ông khách lạ đã không từ biệt mà đi...

\*\*\*

Sáng hôm sau, tôi đem chiếc thập lục giả phòng đấu giá. Không phải — người nhà đã khuyên — để tránh sự « ma quỷ hiện hình ». Nhưng nghĩ rằng bảo vật của thiên hạ nên để thiên hạ hưởng chung.

Ai muốn nghe tiếng dĩ vãng, muốn có những giấc mộng ảo huyền? Hãy đến cái chỗ mọi người vứt bỏ những đồ xưa, hãy lục cho ra cây đàn mười sáu...

Rồi thành tâm mà đợi khách.

Nguyễn-Lương-Ngọc

# CÁCH AN UỐNG CỦA phụ đồn điền cao-xu

L. H. V.

Trước đây T.N. muốn biết cho những học tri thức để tìm vào cách sinh-hoạt dân Việt Nam một chút tài-liệu, đã thuật lại những kết-quả của mấy cuộc điều-tra và khảo cứu về miếng ăn của người Việt-Nam. Gần đây, tập kỷ-yếu của *Viện Khảo về Người* (quyển V, tập 2 năm 1942) có đăng một bài của Bác-sĩ J. Canet về cách ăn uống của phu đồn-diên cao-xu. Bác-sĩ, theo lời giới thiệu của ông Botreau-Roussel, Tổng Thanh Tra Vệ-Sinh và Y-tế, là người có đủ điều-kiện để phân-đoán về kết quả công cuộc tổ chức ở những nơi đó.

Mở đầu, bác-sĩ J. Canet nhắc lại những sự quan-trọng của vấn đề ăn uống cho dân phu. Thiếu ăn dễ đưa người ta vào vòng tật bệnh. Một phần lớn các bệnh ghê gớm của dân quê Bắc kỳ là do ở sự kham khổ mà ra, nhất là bệnh ngã nước. « Phương thuốc chữa bệnh ngã nước là ở trong chiếc nồi » (la gaira della malaria sta uella centola). Các chủ đồn điền đều nhận thấy rằng phải để ý đến vấn đề ăn trước nhất, chẳng phải vì nhân đạo mà bởi vì họ tốn bao công của cho người đi mộ phu tận ngoài Bắc vào, nay nếu để họ ốm yếu quanh năm thì công việc chạy làm sao cho được. Trước kia chỉ có những cuộc thí nghiệm nhỏ nhỏ (lập quán cơm, bán thẳng cho phu, giồng rau, v. v...) Nhưng đến năm 1941 thì giá sinh hoạt vì chiến tranh trở nên đắt đỏ.

mà sự vận tải ngày càng thêm khó. Muốn giữ cho miếng ăn của phu phen được như cũ chỉ có hai cách : hoặc tăng lương, hoặc tìm cách hạ giá sinh hoạt. Nhưng tăng lương là một chuyện không thể làm được vì dân phu, nhất là dân Bắc kỳ ra đánh bạc tốn quá. Vậy chỉ còn cách thứ hai là có thể thì hành được, nghĩa là phải bán lỗ vốn cho phu những đồ cần thiết nhất.

Bữa ăn kiểu mẫu lấy ở bữa ăn do Bộ Thanh Tra Lao Động định nghĩa là một ngày một người phu phải được 750 gam gạo, 200 g thịt hay 200 g cá khô hay 400 g cá tươi, 300 g rau tươi hay 150 g rau đậu, 5 g chè uống, 20 g mỡ, 45 g nước mắm.

Nhưng người ta đã nghiệm ra rằng 750 g gạo một ngày có khi ít quá nên các đồn điền đều phải tăng lên tới 800 g hay có khi 900 g nếu công việc nặng nề. Một người phu mới ở Bắc kỳ vào bao giờ cũng ăn cơm khỏe có khi tới 1 ki-lô rưỡi một ngày, rồi dần dần vì đồ ăn nhiều và thay đổi nên họ ăn kém đi rồi đứng vào mức 800 g. Những người phu già có khi chỉ ăn 600 g đến 700 g.

Nhưng cái cần hơn hết là làm thế nào cho họ ngày nào cũng được ăn đều đều như thế. Tiền công nhật tối thiểu của họ chỉ 15 (\$32).

Xem số chi tiêu của một người phu thường thường bậc trung thì họ mỗi tháng phải ăn au từ 4\$ đến 4\$50. Như thế chỉ được 750 g thịt hay 100 g cá khô một ngày. Cá tươi thì hiếm mà rau thì không có đủ cho mọi người, nhất là các phu chưa vợ thì lại ít ăn rau nhất. Bác sĩ J. Canet đã tính giá tiền bữa ăn kiểu mẫu trên kia thì thấy vào khoảng 0\$185 (ăn thịt) hay 0\$165 (ăn cá khô) không kể gạo phát không. Nhưng giá đó là giá của sở mua buôn chứ mua lẻ ở ngoài thì phải hơn nhiều. Và họ còn có khi mua thêm gạo, thêm nước mắm. Nhưng đại khái thì tiêu vào ăn mỗi ngày độ 2 hào, cả tháng độ 5 hay 6\$ thành ra quá số tiền 4\$50 họ định tiêu.

Muốn hạ cái giá đó từ 6\$ xuống 4\$50, đồn điền phải bán lỗ vốn cho phu các thức ăn cần dùng,

Gạo thì phát không mỗi ngày 750 gam kể cả ngày lễ. Chỗ gạo ăn thêm thì mỗi ngày được

thêm 50 g. mỗi tháng giả 4 xu trẻ con vẫn được ăn không mất tiền nhưng gạo cũng phát thêm.

*Thịt lợn* thì cứ 0\$15 hay 0\$40 một ki-lô, do chỗ bán cho. Lợn mua ở các nơi về hay do sở nuôi cấy. Có khi cũng có thịt bò nhưng thịt lợn vẫn được chuộng hơn.

Món *cá tươi* được ưa nhất nhưng khó kiếm. Nếu đồn điền cạnh sông Cửu Long thì còn dễ và rẻ chứ ở các nơi khác được ăn cá là hãn hủ. Người ta đã tìm cách đánh cá ở suối nhưng chẳng là bao nên đã phải tính đến chuyện lấy nước suối vào nuôi cá. Món *cá khô* thì dễ tìm hơn nhất từ ngày có Hợp tác xã của các nhà đánh cá ở Cao-Mên. Cá bặc má và cá mè tiêu thụ nhiều nhất. Nhiều nhất, có thể đề được 3 tháng.

*Rau tươi* bán 7, 8 xu một ki-lô. Sở lại khuyến khích mở mang các vườn nhỏ cạnh nhà: 1/5 số rau tiêu thụ là ở đó ra. Đồn điền cũng mở các vườn giống rau. Còn rau khô như đỗ xanh để làm *giá* thì mua được rẻ và để lâu được (22\$50 một trăm ki-lô).

Các thức cần thiết khác như xà phòng, quần áo nón áo toí đều bán giá rẻ.

Tính ra thì ăn thịt mỗi ngày mất 0\$125, ăn cá mỗi ngày mất 0\$117, ăn cá tươi mất 0\$173. Cho vào cái mực 12 xu một ngày thì cả tháng tiêu mất 3\$60. Đối với người lương 9\$60 (9\$32 công nhật) thì còn thừa 6\$ nghĩa là quá 60% lương.

Chính sở đồn điền thì phải thiệt 7 xu rưỡi một ngày, mỗi người đó là nói đến chỗ ở vào địa thế bất lợi nhất.

Nhưng phương sách bán lỗ vốn đó không được hiệu nghiệm cho lắm vì phải tách ra từng hạng phụ: hạng phụ có vợ con, hạng phụ không vợ.

Hạng phụ có vợ con ngày nay có thể đủ ăn. Số chi tiêu hàng tháng của họ đại khái là 11\$50 một tháng (8\$ ăn, 1\$ tiền vật, 1\$ thuế, 0\$50 thuốc lá, 1\$ để dành may áo). Người phụ đó công nhật là 0\$39, mỗi tháng được 11\$70 thành ra ốm đau là thiếu ăn. Thật ra họ còn làm nhiều việc vặt khác kiếm thêm tiền, nào cho vay lãi, giồng giọt, nuôi lợn gà...

Nhưng hạng phụ chưa vợ thì tình cảnh mới đáng đề ý hơn vì họ chưa có căn bản chi hết. Mà đó lại là phần đông (từ 15% đến 70% tùy nơi). Ông J. Canet có cho biết hai số chi tiêu của hai người phụ vào hạng này, đều là phụ tốt, chịu khó làm ăn. Người đầu 11 rưỡi công nhật 0\$25, tháng 9\$45

ăn khá, khỏe mạnh. Tiền ăn 5\$17 (trong đó tiền lít rượu), để dành 2\$, mua 1\$80 thuốc lá, còn thừa 1\$20 để dành mua quần áo, tính không đi chơi nhảm. Người đó ăn trọ ở nhà vợ chồng một người bạn.

Người thứ hai cũng khỏe mạnh, có bao nhiêu ăn hết. Mỗi tháng kiếm ra 8\$64, thì ăn đã mất 7\$ và sở đã giữ lại 1\$ tiền thuế thân, thành ra chẳng còn gì tiêu vật. Người phụ đó mới vào làm được ít lâu, quần áo còn mới. Người ta có thể tưởng tượng được tương lai của họ ra sao, đi vay hay đánh bạc, hay nhịn ăn.

Cho nên ở các đồn điền người ta phải mở ra các hàng cơm riêng để giúp đỡ các người phụ chưa vợ. Khách hàng ở các hàng cơm đó hoặc tự ý đến ăn (phụ già chưa vợ, vợ con những người nằm nhà thương), hoặc bị bắt buộc (phụ mới trong 4 tháng đầu).

Số người đến ăn là 30% đến 50% tùy nơi, có chỗ tới 70%. Lúc đầu số người đến ăn rất ít, phải bắt buộc những phụ mới và những phụ bỏ trốn giờ về đến ăn sau dần dần số người thêm đông. Cái số 70% không thể hơn được nữa vì số còn lại toàn các gia đình quen ăn riêng rồi. Lại nên biết rằng trong 100 người ăn thì 41 người tự ý và 59 người bị bắt buộc.

Món ăn hàng ngày đại khái có 800g cơm; 300g rau, 100g thịt, 100g cá khô hay cá tươi, 10g muối mắm, 8g chè uống, ớt, là tiêu 172 g và mỗi sáng ăn cháo, có 15g đường bánh trôi.

Một hàng cơm, 200 người ăn một tháng, mỗi người phải giả 0\$10 một ngày, tiêu hết 948\$. Tính ra mỗi đầu người là 0\$166 nghĩa là đồn điền phải chịu 0\$066.

Ảnh hưởng của những hàng cơm đó như thế nào? Đối với bọn phụ chỉ chực trốn thì không có hiệu quả gì chỉ có kẻ phải giờ về không thoát thì nhờ đó được ăn uống tử tế.

Đối với các phụ già, có gia đình thì họ chẳng có lợi gì mà đến ăn, nhưng họ được lợi vì sở phát lỗ vốn các thức cần dùng.

Chỉ có các phụ mới đến và các phụ kiếm ăn thường thường chưa vợ thì ảnh hưởng các hàng cơm đó mới thật là tốt. Phần nhiều những người mới mộ, gầy, yếu, thiếu ăn đã lâu. Nếu vào độ mộ nhiều như khoảng từ 1939 đến 1941 thì hiệu quả rất ít khó lấy lại sức: khỏe cho những người chỉ

còn sương bọc da, mắc lao hay phù thũng. Vào độ mội thì phu khỏe mạnh hơn thì ảnh hưởng tốt hơn nhiều, có nhiều người lên cân. Số người phải thái về ít đi. Những người sau thời kỳ bắt buộc ra ăn ngoài chỉ ít lâu là ốm yếu. Có lần bác sĩ đã phải bắt những người ốm nằm nhà thương lại phải vào ăn ở các hàng cơm công cộng. Những phu vì cơ bạc có thể về hàng cơm ăn đợi kỳ trong tới mà không phải vay mượn ai cả. Vì thế mà những vụ đi trốn cũng ít dần.

Bác sĩ J. Canet kết luận rằng về phương diện y lý thì các hàng cơm đó che chở cho phu phen rất hiệu quả. Mà về phần các khách ăn thì có lẽ họ cũng loan, nhehnh. Nhưng cần phải có người tận tâm trông nom. Nói tóm lại bác sĩ rất tán thành việc lập các hàng cơm đó vì những lẽ sau đây :

- 1-) có kết quả tốt đến sức khỏe phu thợ.
- 2-) có ảnh hưởng đến phụ mới mội.
- 3-) có thể cho các phu trốn bị bắt lại hay tự giở về được ăn uống tử tế.

4-) ảnh hưởng tốt đối với kẻ không ưa sống chung hay kẻ mê cơ bạc.

Nhưng muốn cho các hàng cơm đó có thể sống mãi thì còn cần phải tìm đồ ăn tại chỗ nhất là thịt với rau. Vì thế phải tổ chức các trại nuôi lợn, bò (hiện các trại đó đương thời kỳ mở mang) và các vườn rau cạnh suối hay gần nhà ở. Các vườn đó còn giúp cho ta chống với bệnh ngã nước, nhất là từ trước tới nay phần nhiều chung quanh chỗ phu thợ ở đã phải khơi ngòi, phá quang, trồng khoảng 1 cây số. Vườn đó đầu tiên giống mía, sắn, khoai lang, rau muống về sau có thể giống cà, chanh, cần, bầu, bí, v.v.v... Thành ra các vườn rau đó vừa có ích về phương diện vệ-sinh, vừa có ích về phương diện tìm ăn.

Một mẫu tây năm đầu có thể nuôi được 100 người, năm thứ hai 200 người, năm thứ ba 200 hay 250. Riêng mía giống năm đầu có thể được 25 đến 30 tấn tây mỗi mẫu, tây, khoai lang từ 4 đến 5 tấn.

Kết luận bác sĩ nói rằng từ ngày những phương sách đã được đem thực hành thì các phu thợ được ăn uống khá hơn trước và hợp với bữa

ăn mẫu mực hơn, đời sống có vẻ phong phú và ảnh hưởng về phương diện vệ sinh rất có hiệu lực, vì số người ốm ít đi nhất là ốm ngứa nước, mà người vì ngứa ăn mà cơ thể hao mòn phải thái về cũng bớt.

Cuối cùng bác sĩ còn cho biết món ăn của một hàng cơm đó trong một tuần lễ liền, những rau giống ở vườn rau và số rau do một vườn rau 15 mẫu tây cung cấp cho các hàng cơm.

Trở lên là lược thuật bài khảo cứu của bác sĩ J. Canet, Chúng tôi chủ ý muốn kiến các độc giả một chút ít tài liệu. Nếu có thể được trong một kỳ sau sẽ đăng những kết quả cuộc điều tra về cách ăn uống của các hàng cơm lao động hay binh dân ở hai thành phố Hà-nội và Hải-phòng.

---

## Nguyễn Du

(Tiếp theo trang 13)

Chẳng những có tập quán tinh thần của y sĩ, tác giả lại có tập quán của nhà triết học duy vật nữa : cơ thể là tất cả, tinh thần là một hiện tượng phụ thuộc. Đời tâm lý chỉ là phản ảnh của đời sinh lý, đời tinh thần hoàn toàn chi phối bởi những yếu tố vật chất.

\*

Xem như vậy thì cái phương pháp phê bình cuốn *Nguyễn Du và truyện Kiều* không phải là một phương pháp khoa học. Tác giả áp dụng một vài thuyết khoa học vào sự xét cá tính của Nguyễn Du, chứ không phải dùng phương pháp khoa học để tìm cái cá tính ấy. Tác giả lại còn đem ngôn ngữ của bệnh học vào sự xét cá tính ấy. Tác giả đã dùng nhiều danh từ khoa học tạo, nên cái cảm giác lầm lẫn rằng quyền nghiên cứu của tác giả là một công trình khoa học.

Ở trên đất phương pháp, ông Nguyễn-bách-Khoa đã không thành công rực rỡ như ông hi vọng. Chẳng hay cuốn *Nguyễn Du và truyện Kiều* có giá trị ở điểm nào khác không, ấy là điều ta sẽ bàn đến ở một bài sau.

**Đinh gia Trinh**

# DANH-TỪ Y-HỌC

PHẠM KHẮC QUẢN

Tiếng nước nhà bây giờ đã đi đến một trình độ khá quai, đã có thể dùng để diễn đạt được những tư tưởng phức tạp và cao xa khác những ý thông thường gọi lèa trong sự sống hằng ngày. Những vấn đề u-uần của tâm-lý-học, những chương khúc triết của luật-học những thuyết rộng rãi của xã-hội-học đã được người nước ta đưa ra diễn giảng hay bàn cãi bằng Việt-ngữ.

Năm 1912 tập Danh-từ khoa-học Hoàng-xuân-Hãn ra đời và mở một kỷ-nguyên mới trong tư-tưởng-giới nước nhà. Nhưng ở quyền Danh-từ khoa-học ấy tác giả chỉ nói đến vài khoa học cơ bản. Trong các khoa không khảo-cứu thì y-học là một mà tác-giả đã có cái nhĩa-ý nói rõ là để cho người trong y-giới càng đáng.

Kể về khoa-học thì có y-học là người mình được học sớm và hoàn-bị ..... Lại thêm đây là một môn thực nghiệm rất gần nhân-sinh lẽ ra thì những danh-từ y-học chúng ta có từ lâu mới phải. Y-học có một cái nhiệm-vụ xã-hội rất to tát. Không những cần phải khảo-cứu chính y-học mà còn cần phải phổ-cập trong quốc-dân những ý tưởng thông thường có liên lạc đến y-học. Hiện giờ chúng ta thiếu danh từ để khảo-cứu và truyền bá y-học bằng tiếng nước nhà, đó là một điều làm cho nhiều người hữu-tâm thắc mắc.

Vài năm nay ban y-học của Tổng hội-sinh-viên và hội Y-giới ái-hữu đã nhiều lần bàn đến sự viết tập danh-từ y-học. Chúng tôi thiết nghĩ công việc ấy không phải một người hay một nhóm người có thể làm hoàn-toàn được. Cứ xem như bộ danh-từ y-học của Trung-quốc do Quốc lập biên dịch quán soạn cũng phải nhiều bàn-viết, mỗi ban lo đặt danh-từ một môn trong y-học mà thôi. Công cuộc đặt danh-từ y-học của nước nhà cần phải là công trình của cả y-giới Việt-Nam. Chúng tôi hằng tha thiết mong đợi các bậc đàn anh đưa lên hợp sức

làm việc. Nhưng có lẽ tại số thầy thuốc mới nước nhà còn quá ít . . . . .

nên thầy thuốc ít thì giờ thành ra một công cuộc cần đáng làm vẫn chưa bắt đầu được.

Chúng tôi tự biết sức học còn non nớt, kinh nghiệm còn ít ỏi, nhưng lòng thành quá hoá bạo việc cần cấp nên không dám câu nệ tiểu tiết mà xin đem trình bày các đầu anh cùng tất cả y giới, nước nhà công việc của chúng tôi.

Chúng tôi sẽ công-bố một tập danh-từ y-học xếp theo vần A, B, C, và gốc ở Philip-ngữ. Chúng tôi đã dựa nhiều nhất vào hai quyền tự điển y-học này ;

— Dictionnaire des termes techniques de médecine của Garnier et Delamare (Bản năm 1926 và 1938)

— Petit dictionnaire français japonais des termes techniques de médecine của Z. Ohya (Bản năm 1935).

Chúng tôi thấy ở đây có một điều lợi là quyền Garnier-Delamare là một quyền tự điển rất thông dụng mà quyền Z. Ohya là một quyền dịch ở quyền Garnier Delamare....

Về phương sách chung trong sự định danh-từ mới thì cũng không ngoài ba cách : ghép tiếng thông thường, phiên âm và gốc nho, đã được giải rất rõ ràng trong lời dẫn quyền danh-từ khoa học Hoàng xuân Hãn. Còn phép nói lại Đặng văn Dự, tức là tương-tự lối phiên-thiết của các tự điển chữ Hán dùng để thích-âm, chúng tôi thiết tưởng không thể dùng quá thông thường vào danh-từ chung về y-học, vì nhiều chữ lái lại thành giống nhau. Và lại danh-từ y-học nhiều chữ kép, có lẽ không nên chỉ chăm điều đơn tiện mà làm lạc mất ý danh-từ. Chúng tôi nghĩ có thể dùng cách ấy vào các chữ rất chuyên môn như cơ-thể-

học. Riêng về cơ-thể-học nêu đúng phép nói lái này chúng ta có thể đặt nhiều lần mỗi một cách rất nhanh chóng. Vì thế chúng tôi tạm đề riêng chưa định đến vả lại những chữ về môn này trong quyển tự-điển Garnier-Delamare mà chúng tôi noi theo cũng không có.

Công việc chúng tôi làm đây là cốt đề cống hiến y-giới nước nhà một ít tài liệu. Mong rằng khi đọc bản danh-từ này các bạn hữu hay các bậc đàn anh sẵn lòng bổ khuyết cho những chỗ sai lầm. Một danh từ có tiện dụng hay không thì khi ghép vào một câu văn mới biết rõ ; mong rằng khi dùng thử các danh-từ mới ai nhận thấy những chỗ chưa thông và có cách bổ cứu thì cho chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ lần lượt vàng theo những lời phê-bình xác đáng mà chữa các danh từ. Được như thế trong vòng một năm khi tuần tự đăng xong tập danh-từ này thì các danh-từ đã được sửa chữa và có thể in thành sách. Quyển sách ấy thực ra do cả y-giới nước nhà làm nên mà chúng tôi chỉ đã là những người tổng-thư-ký vậy.

*Viết tại Hà-tĩnh tháng Sáu năm Quý-mùi  
(Juillet 1943)*

**Phạm-khắc-Quảng**

Y-học bác-sĩ

Giám đốc bệnh-sàng thực nghiệm tại  
trường Y-học Hà-nội

và **Lê-khắc-Thiến**

Sinh viên trường Y-học Hà-nội

Ngoại trú y-sinh các nhà thương Hà-nội.

*Sau đây xin trích đăng ít thí dụ ở trong  
quyển Danh-từ y-học của chúng tôi sẽ công  
bố*

aa ; mỗi thứ, — viết tắt : mư

Abaisse-langue ; cái dè lưỡi

Abaissement : sự xuống

abaissement de la température : sự xuống  
nhiệt-độ 熱度

abaissement de la pointe du cœur : sự  
xuống mũi tim

abaissement du poids : sự xuống cân.

Abasie : sự bại 敗

Abceder : thành mụn, mưng mủ

Abcès : mụn

abcès chaud : mụn nóng

abcès froid : mụn lạnh

abcès refroidi : mụn nguội

abcès de fixation : mụn sưng-độc 搜毒

abcès de dérivation : mụn dẫn độc 引毒

abcès en bouton de chemise : mụn thắt  
cổ-bồng

abcès par congestion ou ossifluent : mụn lao  
xương 癰

abcès métastatique : mụn chạy

abcès tocinique : mụn độc 毒

abcès tubéreux : mụn hãn-tuyệt 核

abcès urinaire : mụn niệu-đạo 尿道

Abiogenèse : thuyết tự-nhiên sinh 自然生

Ablactation : sự thôi cho bú

Ablation : sự cắt bỏ

Ablépharie : tật thiếu mí

Abortif ; 1) dọa thai 墮胎

médicament abortif : thuốc dọa thai

2) chiết-tỏa 折怪

traitement abortif de la blennorrhagie : phép  
chữa chiết-tỏa bệnh lậu

forme abortive de la pneumonie : thể chiết  
tỏa của bệnh sưng phổi

Aboulie : chứng nhược-chí 症弱志

Abrachie : tật thiếu tay 疾

Abrachiocephalie : tật thiếu đầu và tay

Abrasion : sự cắt bỏ da 剝

Abruption : sự gãy ngang xương

Absence : sự thoáng ngất

Absinthisme : sự nghiện rượu absinthe

Absolu : tuyệt đối 絕對

Diète absolue : tiết thực tuyệt đối 節食 絕對

Absorbant : hấp thụ 收

médicament absorbant : thuốc hấp-thụ

Absorption : sự hấp-thụ

absorption cellulaire : sự tế-bào hấp-thụ  
細胞

Acantholyse : sự rã gai.

Acanthome : bướu gai

Acanthopelvis : xương chậu gai

Acanthose : sự điệp lớp Malpighi

Acanthosis nigricans : chứng gai đen

Acapnie : sự máu thiếu a-cit các-bon-nic

Acardiaque : quái thai thiếu tim 挫胎

Acardie : tật thiếu tim

# NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

(Tiếp theo)

« Mất việc à anh? Tại sao mất việc, từ bao giờ? »  
Minh hỏi dồn.

« Đã mấy tháng nay. Tôi tưởng thế nào chị chẳng biết rồi. »

« Không, tôi có biết đâu. Nhà tôi không nói gì cả ». Minh ngồi thừ người, sau phút ngập nhiên ban đầu. Nàng tiếp :

« Thế mà nhà tôi ngày nào cũng bảo đi làm, cuối tháng vẫn mang tiền lương về. Con người gan góc thật, không nói gì cho vợ con hay. Anh có biết tại sao nhà tôi mất việc không? »

Kiên thấy gương mặt anh vì đã chợt nói hớ câu chuyện. Chắc Khôi có định ý gì, nên mới giấu Minh. Chẳng gương trả lời :

« Tôi có, biết đâu. Thấy anh ấy nói là không làm ở đây nữa. Hoặc giả đã tìm được chỗ nào khác chăng? »

Câu nói gỡ không có hiệu quả. Nhớ lại những lúc chông đi trưa, về sớm, tình tình thay đổi, Minh đã hiểu cái tin Kiên cho biết là đích xác. Nhưng tại sao lại giấu nàng, đó mới là chỗ khó hiểu. Nàng bảo Kiên :

« Không phải tìm được chỗ nào khác đâu. Đích là mất việc rồi. Nhưng sao lại giấu tôi mới được chứ? Mà ngày nào cũng đi ra Hà-nội làm gì. Lại cuối tháng mang tiền về, thì tiền ở đâu? »

Cái cơ ngày nào cũng đi, thì Kiên đã rõ, Khôi đã nói với chàng từ ngay hôm đầu. Nhưng chắc Minh không hiểu được chuyện ấy. Giẽng được cho nàng hiểu là chuyện rất phiền phức. Và Khôi đã muôn giấu, không lẽ chàng còn nói ra. Để hớ một câu cũng cả tự thấy không phải trong tính bề bạn. Chàng cố gỡ lại :

« Anh ấy có việc gì thì mới đi như thế, khi không ai, muốn vất vả. Và chắc anh ấy có làm ở đâu rồi, nên tháng tháng mới có tiền mang về. Không nói cho chị biết vì không có điều gì cần, đáng nói đó thôi ».

Câu nói cũng xuôi tai, nhưng người đàn bà vẫn ra vẻ chưa tin. Kiên hết sức gỡ lại điều nhằm :

« Dù sao, chị cũng đừng cho anh Khôi biết là tôi đã nói với chị. Anh ấy đã muôn giấu, thì chị cứ lờ đi nhé »

không biết gì. Hết tôi xem rõ ra káo, rồi sẽ nói chị biết. »

« Chuyện có thực thì anh nói, chứ có bịa đặt gì đâu mà ngại. Ai lại việc như thế mà không cho tôi biết là có ám sao? »

Kiên muốn cho Minh kín chuyện, lại bực mình vì lối lý sự dân bà :

« Nào đã biết ý anh ấy ra sao? Để biết rõ hãy hay, chứ chị nói ra bây giờ thì được ích gì? »

Như lại những lúc trò chuyện với Khôi, giọng nói, nét mặt chông, Minh nhận thấy Kiên có lý. Khôi đã có chủ định, nói ra không ích gì. Mà nào biết nói gì? Chẳng thà theo lời Kiên, có khi còn biết được nhiều điều khác. Minh đang trong một lúc xao động, dễ đem chuyện nhà ra phân trần :

« Vâng, tôi sẽ không nói gì cả, xem nhà tôi làm ăn ra sao. Anh là người bạn thân, chắc đã hiểu tính nết nhà tôi. Ai lại cứ coi vợ con như người dưng... »

Kiên không muốn lợi dụng một lúc không tỉnh trí của người đàn bà để đi sâu vào đời riêng của bạn, vội ngắt :

« Đâu có phải thế. Anh Khôi là người rất chín chắn, kín đáo. Tuy ít trò chuyện, biểu lộ ra ngoài, nhưng người đàn ông nào là chẳng thương yêu vợ con ».

Minh chấp miệng :

« Nếu nghĩ như anh, đã chẳng xử như thế. Nhà tôi chẳng bàn định chuyện gì với tôi bao giờ. Hết tôi nói gì là gắt ».

Kiên đứng dậy :

« Thôi xin phép chị tôi về. Chị đừng nói gì cho anh Khôi biết cả. Để tôi xem anh ấy làm gì, ở đâu, sẽ nói chị biết ».

« Được rồi. Chị cứ an tâm ».

Kiên giắt xe đạp quay ra, óc nặng nề vì câu chuyện đã vô tình nói lể. Càng nghĩ, càng thấy vô lý. Tự nhiên len vào một cảnh gia đình, đem câu chuyện của người chồng, thóc mách với người vợ. Tuy là bạn thân, nhưng thái độ đó không được khếch, có thể coi là hèn mạt. Không chắc Minh sẽ giữ được kín câu chuyện. Nếu

nâng đem nói lại với chồng, rồi Khôi biết vì chàng, thì tình bạn sẽ ra sao? Mà dù Minh giữ kín, thì giữa chàng và Minh lại thành ra chuyện bí mật, phải giấu diếm, gần như âm mưu. Cái mối càng với Minh thật là dai dót. Ai lại hứa sẽ cho Minh tin tức của Khôi, làm một công việc tình mỗ như nhà trinh thám? Lặng vào những việc ấy, quyết nhiên là không hay. Dù sao, vợ chồng người ta cho giờ cũng là vợ chồng. Bất cứ xảy chuyện gì, đến lúc họ thuận hòa, sẽ vẫn coi chàng là người thiếu nhà độ dấn vào chuyện riêng của họ.

Kiên tiếc câu chuyện xảy ra, tiếc đã về thăm Khôi ngày hôm ấy. Một việc đã làm sai thường mang theo nhiều chuyện không hay. Muốn gỡ lỗi một vài phần, họa chàng chỉ việc được tấm lòng trân thành đối với bạn.

Hai người biết nhau đã lâu. Tình bạn bền chặt thường bắt đầu từ ghế nhà trường. Ngay năm đầu ban cao đẳng tiểu học, giữa lúc tâm trí mở rộng để tiếp xúc ngoại cảnh, về sự học cũng như về chuyện khác, bản năng đang cần phát triển, thì họ gặp nhau. Một ghế nhà trường, một nhà trọ chung dần làm vững thêm tình thân giao hữu. Những sự gặp gỡ trong cảnh này thường có cái đặc điểm là sẽ không kết quả gì, hoặc thành những tình bạn vất vả dần dần đi sâu mãi vào cuộc đời sau này.

Khôi và Kiên ở trường hợp thứ hai. Tâm tính hai người có chút tương phản. Ngay về hình thể, họ cũng có khác nhau. Khôi gầy yếu, nghiêm nghị kín đáo; Kiên vạm vỡ, vui vẻ, hay cười nói đùa tiết bớt sức khỏe trong người. Họ ưa được nhau, có lẽ ngay về chỗ trái ngược đó, nó cần được chỗ thiếu của mỗi người. Dựa vào nhau, Khôi thấy được cái vui tra sòng Kiên thêm chút dè dặt cho tình tình sức nôi. Họ như cảm thấy những tình tình đó đều cần cho cuộc tiến thân, họ đưa nhau cho được đầy đủ.

Rồi trong những lúc bàn về sự học, về tương lai, hai tâm hồn ấy dần cởi mở. Những câu chuyện ấy là thứ sự mong gần chặt hai hồn gách. Họ thấy, những nguyện vọng giống nhau, những viễn vọng thường chung cho bọn thiếu niên cùng trạc tuổi. Những điều mơ tưởng rất cao xa. Có lúc họ muốn làm nhà hiền triết, có lúc nhà đại doanh thương, phần nhiều là những việc xuất chúng. Trừ sự học vững vàng, và thiết thực tiến dần từng bước, mộng, tương lai của họ nhảy từng hoài bão, bất chấp các điều kiện thực tế. Chỉ có cái mộng viết văn của Khôi nổi lên trên những điều thay đổi. Anh chàng thường nói đến với tất cả tấm lòng nhiệt thành, hăng hái của tuổi xuân. Kiên có khi không hiểu hết ý nhưng cũng ưa nghe; chàng thấy cái vui được dự một vài phần.

Trong bốn năm, tình bạn càng thắt chặt, thì về tư tưởng, họ dần xa nhau. Kiên dần hiểu cuộc đời không theo ý muốn.

Cái chương không quay trở lại chiều gió; Kiên định ngay tài liệu nên học văn phổ thông đang hấp thụ đưa đời chàng vào con đường như đã vạch sẵn sàng. Về tình cảm

lại càng gần nhau hơn, đã đến lúc tới nhà nhau ăn giỗ, và làm bữa một vài chuyện gia đình.

Việc Khôi lấy vợ, là một bước dài trên con đường chia rẽ về tâm lý, đánh dấu thời kỳ đi vào những cuộc đời riêng. Kiên như ghen với người đàn bà chia mất tình yêu của bạn. Lấy vợ, đối với Kiên, vẫn là việc quan hệ trong đời người, một việc chỉ dám làm khi nào đã tìm được con đường nhất định. Chàng tưởng Khôi đã có chủ ý về cuộc đời, Minh sẽ với Khôi cùng bước. Đến nay, chàng thấy hoài bão của Khôi vẫn là cái mộng xưa, không thay đổi; và Minh không định đáng gì đến đời tâm tưởng của chồng.

Nghĩ ai ngại cho Minh. Người đàn bà ấy, nếu lấy người phải lấy, ham làm ham ăn, thì cũng gây nổi chút hạnh phúc cho con. Kiên lan man nhớ lại ngày cưới Minh. Hồi ấy, chàng tưởng cái nhan sắc hiền từ kia sẽ cướp mất của chàng người bạn, làm tiểu ma chị khi của Khôi. Đã nhiều lần hồn xup dờ, chỉ vì có người đẹp dính vào.

Minh đã không cảm hóa nổi Khôi. Người đàn bà hiền nhân sống cạnh chàng, như một phi tần cạnh đức vua, và có thêm vẻ đầy đặn của con gà mái ấp.

Đón Khôi, Nghĩ đến bạn, Kiên thấy dịu dịu trong lòng. Ngẫu nhiên, chàng thấy cả lại cuộc đời Học sinh, thời kỳ tốt đẹp người ta thường nhớ một khi đã đi qua. Về sau này, cuộc đời có càng thêm cho chàng nhiều bạn bè; những chiếc sơ mi mới đẹp cho có đẹp, cũng không bằng cái cũ, vải đã sờn, đã quen với làn da.

Kiên muốn đạp xe đi tìm ngay Khôi, xem vì sao lại có những chuyện Minh kể vừa rồi, và thái độ đối với chàng hôm nọ. Chàng tin Khôi cũng như chàng, vẫn trung thành với cái tình bạn xây đắp đã bao lâu. Phải có một cơ gì đã rung chuyển thần kinh của con người hay suy nghĩ. Có gì?

Kiên đặt từng câu hỏi, ngừng lại ở chuyện tiền tài. Chàng nghĩ: « Nếu có phải chỉ vì thiếu tiền, thì cũng không nặng lắm. Minh có thể làm thầy lang chữa cái bệnh kiết ấy, còn dư dặt dề Khôi dùng trong ít lâu, rồi lại sẽ hay. Nhưng về bệnh này, thầy thuốc phải tỉnh ra, chứ con bệnh này gan lắm, chưa chắc đã chịu khai: »

Kiên mỉm cười một mình.

## VII

Minh kêu to đem giọn cơm, rồi bảo chồng;

« Anh ăn cơm đi. Em không ăn. »

Khôi đang thay áo, quay lại:

« Làm sao lại không ăn? »

Trong lúc này, một tỷ gì khác cũng làm anh chàng hoảng sợ, nơm nớp lo xảy chuyện bất tường.

« Có làm sao đâu, em còn no nên không muốn ăn. »

Khôi yên lòng, ngồi vào bàn, Minh cũng ngồi xuống trước mặt chồng.

« Canh còn đủ nóng không? Hay về em đi hành. »

Không muốn phiền vợ, Khôi trả lời:

« Thôi được, không cần phải hâm nữa. »

Vốn tính dễ dàng, lại gặp lúc lòng đầy sầu muộn, chàng chỉ ăn cho xong bữa, đầu óc đầy ý nghĩ thức ăn. Minh nhìn chồng thều thốt gặp từng miếng, đầu cúi xuống mâm mà ý ở chỗ nào khác.

« Này anh... »

Không ngừng lên, gặp ngay mắt vợ ;

« Gì ? »

« Anh có uống cà-phê, đề đi đun sẵn nước. »

« Không, anh không uống. »

Khôi thấy ý gì khác trong thái độ Minh, từ con mắt nhìn chàng, đến câu nói vừa rồi. Hình như câu ấy chỉ là tí thốt ra, để giấu một điều gì Minh muốn nói. Chàng nhận thấy Minh có vẻ bồn chồn. Hay vợ đã biết hững hờ của chàng đã giấu ? Không có lẽ. Ai nói mà Minh biết ? Chàng dò lại vợ :

« Sao lại không ăn cơm ? Hay lại đi chơi đầu, ăn quả no rồi bỏ cơm chứ gì ? »

Chàng cười, Minh cũng cười theo.

« Đi đâu mà ăn quả. Suốt ngày do đó ở cái nhà này cén đi đến đâu. »

Thấy chồng vui, nàng vội đánh bạo tiếp :

« Sao độ này anh về thất thường thế ? Hôm sớm, hôm muộn, chẳng biết đằng nào mà làm cơm. Cả đến buổi sáng đi làm nữa. Nhiều hôm anh đi trưa thế mà ở sở người ta không cự ả ? »

Minh chỉ mon men, không dám hỏi trắng ngay : « Anh đã mất việc rồi, phải không ? » Câu hỏi đã sẵn sàng ở đầu lưỡi từ lúc thấy chồng về. Mỗi lần định nói ra, nàng lại nghĩ đến lời đã hứa với Kiên.

Khôi vẫn tươi cười :

« Không có xe đạp nên đi về thất thường, vì còn phải chờ chuyển xe điện. Còn ở sở nó có cự thì mặc nó, có sao ? »

« Đi làm cho người ta, mà lại bảo mặc nó. Đi trưa mãi thì nó cũng phải chán. »

« Nó chán thì nó đuổi, có sao ? » Khôi có vẻ đùa nghịch như nói một câu chuyện bằng quơ. Minh càng bạo dạn thêm :

« Thế thì còn nói chuyện gì nữa ! Này anh... »

Khôi vẫn nhìn xuống bát. Minh tiếp rất nhanh :

### TRONG NĂM 1944

### MUỐN LÀM QUÀ BẠN KHÔNG GÌ QUÝ VÀ LẠ HƠN

Rất dễ, ai làm cũng được : cắt một phần thư lấy bút tích và chữ ký của bạn mình (không kể trai hay gái) cho nhà từ thiện tư có chân tài thực học

**Mr AN NGỌC PHỤNG**

**Kiosque Thanh-tao, Vinh**

dời vài ngày sẽ nhận được bản cắt nghĩa rõ ràng tình tình, tâm địa, sức khỏe của bạn mình.

**Thư nhớ kèm theo mandat 1\$60**

« Có phải anh đã mất việc rồi không ? »

Minh nghe hẳn người, vì đã nói được câu muốn nói. Nàng ngom ngóp nhìn chồng, vẻ tươi cười đã mất trên nét mặt Khôi. Chàng ngừng tay đang gấp nhìn Minh :

« Ai bảo thế ? »

Minh luống cuống. Đã không giữ nổi một lời hứa : chẳng lẽ còn tố cáo người đem tin. Nàng tìm cách chống chế :

« Có ai bảo đâu. Em đoán thế. »

Khôi lại gấp thức ăn. Sau một miếng cơm, chàng cười nhạt :

« Tại sao em lại đoán thế ? »

« Tại thấy anh hay đi về thất thường nên em đoán phỏng vậy. »

« Xưa nay anh vẫn đi về thất thường, không phải vì thế mà em đoán phỏng, tất có ai đã nói với em. Ừ anh mất việc rồi. »

Im một lát Khôi lại hỏi :

« Ai nói ? »

Minh im thinh, không biết rằng sự im lặng, vẻ luống cuống của nàng lại càng làm chồng ngờ vực. Hai con mắt Khôi như muốn lòi câu trả lời từ trong miệng nàng. Chàng dẫn chiếc bát không xuống thành mâm đứng phắt dậy, xuyt băt đồ cái ghế ngồi :

« Ai nói mà lại phải giấu ? »

« Có ai nói đâu ! »

Minh vội bưng mâm cơm xuống bếp. Nàng cẩn thận rửa đĩa bát, cố kéo dài thời giờ dọn dẹp, mong cho qua câu chuyện. Trên nhà, bước chân Khôi đi bách bộ thỉnh hích nện xuống nền nhà. Nàng lắng tai nghe một lúc tàn rồi thấy im. Lúc Minh lên, thì Khôi đã nằm thẳng trên giường, mắt nhắm, một tay vắt lên trán, mồm ngậm điều thuốc lá tàn đã dài bằng đôi ngón tay. Minh dương 10 cái tàn thuốc rơi xuống cổ chồng, thì Khôi, vẫn không nhúc nhích, hỏi :

« Có phải anh Kiên nói với em không ? »

Minh buột mồm, trả lời :

« Vâng, anh Kiên. »

Khôi mỉm cười, làm rơi tàn điều thuốc. Chàng đã đoán đúng. Bọn làm trong sở đều là người xa lạ, chỉ có Kiên là đã biết rõ việc chàng thôi. Chắc Kiên đã về đây nói chuyện với Minh. Chàng lại hỏi :

« Anh Kiên về đây bao giờ ? »

Không còn lý gì giấu diếm, Minh trả lời :

« Anh ấy về đây lúc trưa. »

« Anh ấy nói những gì ? »

Dần dần, Minh kể lại cả câu chuyện của Kiên, Khôi vẫn nằm yên nghe, nét mặt rất bình thản, miệng vẫn phì phèo điều thuốc. Minh đã biết rõ chuyện chồng mất việc. Nàng muốn biết thêm ít lâu nay Khôi vẫn đi đâu, và sao tháng tháng vẫn có tiền mang về. Nàng hỏi Khôi :

« Sao anh không đi làm, mà ngày ngày vẫn ra Hà-nội ? Anh ra làm gì ? »

Khôi vẫn im thinh.

« Không làm đấy, thì làm chỗ khác. Thưa gì chỗ làm, quý hồ có tiền thì thôi chứ gì. »

Hình hoi có ý oán trách :

« Sao anh không nói gì với em ? »

Khôi hỏi lại :

« Nói với em thì được ích lợi gì ? »

Đù không ích lợi gì, nhưng chuyện làm ăn mà không cho vợ biết, thì cũng khi quá. Như như thiếu lòng tin cần lẫn nhau. Minh có ý phật lòng. Nàng hỏi :

« Thế anh đã đi làm chỗ khác rồi à ? »

Người chồng không trả lời, hai mắt đã nhắm nghiền. Đầu điều thuốc thỉnh thoảng vẫn lập lờ, một lần khò, tia ra từ kẽ môi. Ngày sau câu chuyện với liên, Minh chỉ lén lén say nghĩ. Mỗi lo gần nhất của người đàn bà là về sinh kế, chẳng không đi làm, là thiếu tiền chi dụng. Xưa nay nàng đã quen trông vào số lương tháng nó định đoạt cả cuộc sống. Đời tâm tưởng cũng quân quân trong vòng ấy có nghĩ đến tương lai, Minh chỉ thấy rằng nếu sau này sinh con cái, ăn tiêu tốn kém thì lương sẽ lại tăng thêm hoặc có được ít tiền dành dụm. Hy vọng là một chút vốn phòng khi bất trắc ốm đau. Nàng tin rằng việc đời phải dĩ nhiên đi như vậy, không thay đổi. Khò, mất việc là một điều cải cách đầu tiên cho ý tưởng chắc chắn ấy. Nhất là trong lúc này, vốn liếng chưa có. Minh giật mình hoảng sợ ngay cho cái đời rách như đã đến nơi.

Về bình tình của Khôi làm nàng được yên lòng, Minh vẫn tin ở chồng. Nhìn Khôi yên lặng nằm hút thuốc không một câu gì tỏ vẻ quan tâm đến câu chuyện đã làm nàng lo nghĩ từ trưa, Minh thấy như không một việc gì nguy ngập có thể xảy ra. Một người đàn ông như vậy, là một chỗ tựa vững vàng.

Khôi kuông trả lời câu vừa rồi, nàng không dám gắng hỏi, quen sợ chồng gắt. Người đàn ông ấy chỉ nói những câu muốn nói. Nàng đã biết một điều muốn biết, câu chuyện kết liễu một cách ổn thỏa, đã là một cái may. Bày giờ Khôi muốn nằm im, thì phải để nằm im. Vả lại, Khôi đi làm chỗ khác cũng là một lẽ dĩ nhiên. Người ta thường thay đổi chỗ làm. Cuộc đời như vậy, đời sống của hai vợ chồng cũng thay đổi. Có Khôi đấy, là mọi việc êm đẹp. Minh nhìn cuộc sống với lòng tin cần của đứa trẻ thơ.

Thấy Khôi vẫn nằm yên. Minh tưởng chồng buồn ngủ, sẽ leo lên giường buông màn. Tuy đã có ý, một lá màn vẫn xòa vào mặt Khôi. làm rung cái tàn thuốc xuống cổ. Nàng ngừng tay, khẽ kêu :

« Ấy chết ! »

Khôi ngồi dậy, rũ cổ áo rồi ra bàn ngồi.

Đêm khuya. Minh thức giấc, vẫn thấy chồng ngồi im bên cạnh ngọn đèn lù mù gần tắt. Nàng trông chồng ngồi ngủ gật, đã toan gọi vào màn, thì phảng phất thấy mùi khói thuốc, và như nghe một tiếng thở dài.

(Còn nữa)

Bổ đức Thu

**ĐÃ CÓ BẢN:**

**LY TAO**

(Trong lục tài tử của Tần)

của KHUẤT NGUYỄN

Người mà tôi nay ta còn nhớ

giỗ là Tết mùng 5 tháng 5.

Bản dịch của NHƯỢNG TÔNG

Sách khổ 17 x 23 bìa litho 5 màu. Giá : 65.00

CÙNG MỘT LƯỢT ĐÃ PHÁT HÀNH:

NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM (quyển VI)

SẮP CÓ BÁN:

TRIẾT HỌC ARISTOTE

Nhà xuất bản TAN - VIỆT

29 Lamblot Hanoi

**MỤC VIÊN**

**PACIFIQUE**

XANH — TÍM

**KHÔNG PHẢI MÀU**

**= KHÔNG CẶN =**

Có bán tại các hàng sách:

**MUA BUÔN HỎI:**

**KIP ĐỖ VĂN THIỆU**

N° 94, Maréchal Foch — VINH

**Ồ - TÒ NHÀ LẦU...**

**CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH**

**SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI**

**BỎ 1 \$ 00 MUA**

**VÉ SỔ SỐ ĐỒNG - PHÁP**

**KÍNH CẢO BẠN ĐỌC BÁO KHOA-HỌC**

Vì tình thế hiện thời công việc ấn loát bị đình trệ, báo Khoa-học bắt buộc phải xuất bản số tháng giêng và tháng hai, tháng ba và tháng tư năm 1944 — hai tháng làm một số. Từ tháng năm lại sẽ xuất bản hằng tháng như thường.

Số 25 sẽ xuất bản vào cuối tháng này. Mong độc giả lượng thứ.

Bác Khoa-học

# Nhung chinh sach ve tien te .

(Tiếp theo trang 6)

Đề cho sự « Hoàn-kim » (convertibilité) được chặc chẽ, một đạo luật 1843 ở Anh bắt buộc nhà Anh-quốc ngân hàng bao giờ cũng phải giữ cho số giấy bạc phát hành ngang bằng số trữ-kim (chỉ trừ có non 20 triệu livres sterling thì có thể đảm bảo bằng các phiếu của nhà nước). Nhưng thật ra cũng không cần phải khắt khe đến thế vì người ta đã nghiệm thấy rằng khi giấy bạc đã được thông dụng thì ít người nghĩ đến sự đổi lấy vàng và trong lúc bình thời chỉ một phần vàng đủ để bảo cho ba phần giấy, miễn là ai cũng tin rằng có giấy lấy đổi lấy được vàng. Vì thế tới 1875, Đức định rằng số tiền giấy do Đức-quốc ngân-hàng phát hành có thể gấp ba số trữ-kim. Còn ở Pháp thì cho tới 1928 số giấy bạc lưu hành do Nghị-viện lập luật quyết định, Pháp-quốc ngân hàng không được phép phát hành quá số đó nhưng thường thường số trữ kim bằng 60 hay 70 phần trăm số lưu hành.

Đến cuối thế-kỷ 19, khi sự chi phổ bằng *chèque* và bằng cách chuyển-mục đã thịnh-hành nhiều nóc lại bắt ngân hàng phát phiếu phải có đủ trữ kim để bảo-đảm cho những lộn-khoản cũng như là cho số giấy bạc lưu-hành,

Nhờ những chính-sách kể trên đây, trừ khi có chiến-tranh, còn suốt trong thế kỷ 19, tiền-tệ các nước Âu-châu luôn luôn được vững giá. Tiền giấy hay tiền khoản thì có thể đổi ra vàng còn đơn-vị của tiền thì bao giờ cũng là một số vàng-nhất định. Thí dụ, đồng *Livre sterling* từ 1816 đến 1931 là 7gr32 vàng nguyên chất; đồng *franc* Pháp từ 1803 đến 1926 là 0,290 vàng hay là 4gr5 bạc nguyên chất.

Tuy rằng hàng nam các nước vẫn khai quật thêm vàng, nhưng số sản xuất hàng nam đối với số vàng đã tích từ thượng-cổ tại các nước không thấm vào đâu, nên dĩ nhiên là có thể nói rằng giá-trị đồng tiền vẫn *đứng yên* để làm tiêu-chuẩn cho giá cả của hàng hóa và công lao; giá cả lên hay xuống là hoàn toàn do ở sự cung-cầu.

Trong thời kỳ này trong nước, đồng tiền cũng nhất định như thước và cân vẫn dùng để đo lường.

Đối với nước ngoài, giá-trị đồng tiền một nước có thay đổi nhưng thay đổi rất ít; tiền nước nào cũng đã trực-tiếp hay gián-tiếp định theo vàng, ta chỉ đem so sánh số vàng trong đồng nọ với số vàng trong đồng kia thì biết đại khái ngay giá hối-đoái.

Thí-dụ: trước cuộc đại-chiến 1914-18 đồng *sterling* Anh là 7gr32 vàng mà đồng *franc* Pháp là 0gr29 vàng, thì một livre *franc* 25,22 *francs*. Đó là hối-đoái bình-giá (change au pair).

Giá-trị hai đồng tiền đối với nhau có thể cao hay hạ hơn bình-giá nhưng không thể ra quá xa cái chuẩn-dịch ấy được, vì nhẽ sau này: nếu ở Pháp có nhiều người mua *L.st.* (để gửi sang Anh) mà chỉ có ít người muốn đổi *L.st.* ra *franc*, khiến cho đồng franc xuống quá một mực tối hạ, 1 *L.st.* = 25fr2,45) thì người cần livre chỉ việc xin nhà Pháp quốc ngân-hàng đổi franc ra vàng rồi gửi vàng sang Anh để giả; họ chịu mất thêm tiền phí-tồn về sự gửi vàng nhưng tính ra lợi hơn (1). Trái lại nếu trong sự giao-dịch giữa Anh và Pháp đồng *franc* được nhiều người mua mà ít người bán thì hối-đoái đồng franc sẽ cao, (thí-dụ một livre chỉ còn ăn 25fr), nhưng cũng không thể quá được một mực tối cao, vì lên quá mực đó thì ở Londres sẽ gửi vàng sang giả chứ không cần franc nữa.

Vậy hối-đoái đồng franc (cũng như hối-đoái đồng livre sterling) chỉ dòi xa bình giá giữa hai điểm tối-hạ và tối-cao gọi là «mực xuất kim» và «mực nhập kim» (gold point de sortie và gold point d'entrée).

Không những giữ vững được hối-đoái chung quanh mực bình-giá, sự luân-chuyển của vàng còn làm cho hối-đoái một nước không bao giờ thiệt mãi hay lợi mãi, nghĩa là đứng mãi dưới hay trên bình giá. Vì rằng sự xuất nhập vàng có ảnh hưởng đến chính sách của nhà ngân hàng phát phiếu và có ảnh hưởng đến sự sản xuất trong nước.

(1) Trước khi đại-chiến tiền cước gửi vàng từ Pháp sang Anh gần 1 phần 1000 số tiền gửi, tức là 0fr025 một livre sterling.

# Viec quoc te

TỪ 11 ĐẾN 18 MARS

## Mặt trận Á-Đông

— Ở Biên-thùy Ấn-Độ — Diên-Điện, quân Anh lọt vào vùng núi Chiphill, mưu chiếm những khu Tiddim, Taugzar ở giữa biên giới, nhưng bị quân Nhật bao vây và cắt . . . đường giao-thông nên đã bắt đầu rút lui,

Trên phía Bắc Diên-Điện, khu Hukwang, quân Nhật đánh lui một đội bộ binh trong số hạ sư-đoàn của Trung Khánh mưu chiếm Hukwang.

— Trên Thái-Bình-Dương, quân Đồng Minh định đổ bộ lên những đảo Negros, Hauwei tại quần đảo Amirauté (11 Mars) ở trên quần đảo Bismarck, bắc cầu từ Bắc Nouvelle Guinée sang Bắc Nouvelle Irlande và Nouvelle Hanovre.

Trên đảo Ili-Nam phi cơ Hoa Mỹ vẫn hoạt động nhưng không có kết quả.

\*.\*

## Mặt trận Ý

Sau một hồi yên-lặng vì trời sấm, quân Anh Mỹ lại mới bắt đầu tấn công ráo riết vào những khu Cassino và đầu cầu Nettuno, xong chưa có kết quả rõ-rệt.

\*.\*

Trước hết, khi hối đoái một nước bị thiệt và vàng sắp phải trở ra ngoại quốc, muốn giữ cho số trữ kim của mình khỏi giảm ngân-hàng phát-phieu phải tang ngay tiền lãi cho vay (cũng còn gọi là giá khấu triết các giấy tờ thương mại, taux d'escompte). Thấy tăng lãi, những người ngoại quốc có tiền gửi ở ngân hàng chưa muốn lấy về ngay, còn những tư bản ở ngoài cũng dồn đến để lấy lợi. Số người mua tiền, nước đó sẽ tăng và hối đoái nhờ thế sẽ lên.

Không những thế, khi ngân hàng phát phieu tang lãi, tất cả các ngân hàng khác trong nước, thường vẫn phải vay lại tiền của ngân hàng phát phieu, liền tăng lãi theo; các nhà thương mại và kỹ-nghệ muốn vay ngân hạn vừa vay khó hơn vừa mất lãi nhiều hơn. Người nào cần tiền ngay bắt

## Mặt trận Nga

Ở các khu phía Bắc Narva, Nevel, sức tấn công của Nga sau một hồi rất mạnh đã giảm đi.

Khu Trung-ương\* không hoạt động nữa.

Nhưng ở khu phía Nam, bao nhiêu lực lượng của Hồng-quân dồn lại, mưu bao vây quân đội Đức trong khuỷu sông Dniepr, mà không đợc. Là vì quân Đức tìm cách rút lui từ trước. Trên một con đường từ Tarnopol ở Tây Bắc, qua Vinnitsa, Uman, Kirovo, Krivoi Rog, tới Kherson ở Đông Nam, trên cửa sông Dniepr, cuộc giao tranh ráo riết; Hồng-quân có ý tiến về phía Tây Nam, bao vây nước Lỗ. Thành Tarnopol thay đổi chủ nhiều lần mà vẫn còn ở trong tay quân Đức. Giữa khoảng Tarnopol—Vinnitsa quân Nga chiếm đợc Krasilov và tiến xuống Podolsk sát biên thùy Nga — Lỗ. Giữa khoảng Vinnitsa — Uman, thành Gaisin, thành Voronositz và cả Uman cũng lọt vào tay Hồng-quân. Hiện nay Vinnitsa đang bị bao vây. Từ Uman qua Kirovo và Krivoi Rog xuống tới Kherson, Nga hạ những thành Okolpol, Kazanka, Novi Bug, Berislav, Belshaya,.... Và chính hải cảng Kherson cũng bị chiếm; ở đây quân Đức rút lui về nẻo hải-cảng Nikolaiev. Mặc dầu những thắng lợi của Nga, quân Đức trước khi rút lui đã làm thiệt hại địch quân rất nhiều, và cho tới được sát biên thùy Lỗ — Nga cũng còn phải tổn nhiều công và phải mất nhiều thì giờ.

Đ. Đ. Đ.

buộc phải bán vội số hàng còn tích trữ, hàng hóa bán trong nước vì thế thành nhiều mà giá thì hạ beo. Sự hạ giá ấy khuyến khích mọi người dùng nội hóa và sự nhập cảng vì thế giảm đi. Số người bỏ tiền trong nước ra mua tiền ngoại quốc theo đấy mà giảm, hối đoái cũng nhờ đấy mà lên.

Vậy chính sách định lãi (politique d'escompte) của ngân hàng phát phieu có ảnh hưởng rất nhanh đến giá hối đoái.

Trước cuộc đại-chiến 1914-1918, Anh-quốc ngân hàng và Pháp-quốc ngân hàng vẫn tùy thời tang hay hạ tiền lãi để bảo vệ trữ kim của mình và giữ cho hối-đoái của nước nhà không tang mà cũng không hạ quá.

(Còn nữa)  
VU VĂN HILL

# Mùa tiêu công nghệ

Trước họ chiến-tranh, ở Đông-Dương một phần lớn những chế-phẩm từ vải lụa đến cái kim, cái danh là hàng ngoại quốc nhập cảng. Công-nghệ hồi đó phải chịu ở một địa vị hèn kém. Đến nay vì những hàng ngoại-quốc càng ngày càng khan mà sự cần dùng thiết yếu bị thiếu thốn gắt gao, liêu-công-nghệ bèn được chăm chút đặc biệt và chiếm phần quan-trọng vào bậc nhất trong cuộc sinh hoạt kinh-lễ xứ này.

Mùa tiêu-công-nghệ, liêu-kỹ-nghệ và mỹ-nghệ thực-hành, khác mục từ hồi Décembre năm ngoái, vẫn tiếp tục bằng những buổi trưng bày, một phần ở Ấn-trĩ viện Thành Phố Hanoi, một phần tại Phòng trưng bày thường trực ở phố Tràng-Tiền, trong những thời hạn ngắn ngắn, gọi là « tuần-lễ » mỗi tuần sẽ riêng cho một hay vài ngành công-nghệ hoặc kỹ nghệ. Từ bấy đến nay về tiêu-công-nghệ đã có tuần-lễ dệt, tuần-lễ giấy, tuần-lễ kim khí, và về liêu-kỹ-nghệ có tuần lễ da, tuần-lễ cao-xu.

Tốt chỉ nói đến những buổi trưng bày tiêu-công-nghệ. Những cuộc trưng bày huy hoàng làm rạng vẻ nhiều nghề cổ sơ mới được tái sinh, cho ta biết kết quả của những cố gắng của tư nhân và chính-phủ. Song điều ta muốn biết hơn là giá-trị của những hàng mới có công-dụng thay những hàng xưa kia nhập cảng và hậu-vực của những nghề đột nhiên được trỗi dậy. Sự phán đoán ấy không được dễ dàng bởi lẽ thiếu những con số cần-thiết như lượng sản xuất, lượng tiêu-thụ, số nguyên-liệu đã vận dụng và còn tìm thấy hoặc dự trữ được v.v...

\*

## Tuần lễ các đồ dệt

Ta được xem nguyên-liệu, dụng cụ và các hàng dệt.

— Nguyên liệu

Vấn-đề vải mặc là một vấn-đề cực kỳ quan trọng và cũng cực kỳ khó giải quyết.

Trước hồi chiến tranh, không kể hàng len, Đông-Dương nhập cảng từ 20 đến 22 tấn bông, sợi và vải. Đến năm 1913 để đối phó với sự cần dùng không thay đổi, người ta chỉ có một số nguyên-liệu bằng 1 phần 10 khi trước, trong đó một nửa là bông và sợi sản xuất ở trong nước.

Vì vậy tư nhân và chính-phủ (Sở Thanh-tra Khoáng-chất và kỹ-nghệ) đã thí-nghiệm nhiều thứ sợi lấy ở các loài cây cỏ để thay sợi bông. Sau khi thử nghiệm, những sợi có công dụng thực-tế rất ít. Đó là sợi đay, sợi gai (có hai thứ: gai thường, ramie và gai dầu, chanvre) và bông gạo.

Ngày trước bao nhiêu đồ hàng bằng đay đều mua ở Ấn-Độ. Bây giờ, nhờ ở việc giồng đay trong địa hạt Bắc-Kỳ và miền bắc Trung-Kỳ, người ta đã có đay trong xứ để đan bao tải giầy thừng và dệt vải bọc ghế và vải mặc.

Sợi gai là một thứ sợi rất tốt, có thể dùng làm giầy buộc và dệt những thứ vải nhỏ để may áo nhưng từ trước đến nay, chỉ có dân Mèo giồng gai ở miền Thượng-Du để dệt những thứ vải dùng riêng cho họ.

Cái thứ sợi mới đây được người ta chú ý đặc biệt vì sản có nhiều là bông gạo mà xứ Cao-Mên vẫn thường sản xuất tới con số 3000 tấn. Nhưng công dụng của bông gạo không được rộng rãi lắm vì sợi mảnh quá và không dai. Người ta chỉ có thể kéo thành những sợi to để dệt các thứ vải bọc ghế, làm chăn và đan áo nịt (pullovers), mũ trẻ con v. v...

Còn có vài thứ sợi khác người ta đã thử, dùng được, song những cây cỏ để lấy các thứ sợi đó có ít quả, thành thử nó không có giá-trị về mặt kinh-tế.

— dụng cụ

Trong một gian phòng, người ta bày nào ống quay, ống suốt, những mẫu khung cửi, nào cả một cảnh tượng mấy cô gái quê nắn kén làm trong một cái nôi đồng bắc trên 3 « ống nổi do » và kéo tơ bằng tay và mấy cái que. Chúng quanh xem xét những người xem. Kể cũng lạ mắt nhất là cho người ngoại quốc!

Dụng cụ hãy còn cổ sơ quá?

Tuy nhiên đã có vài sự thay đổi hợp thời. Như cái khung cửi dệt thứ vải trộn sợi: dọc đay, ngang bông gạo, hay cái giồng quay sợi, để làm mềm thêm những thứ sợi cứng như sợi gai.

Những biến chế ấy đều do sở thí-nghiệm canh-nông tìm ra (institut des Recherches agronomiques).

— hàng dệt

Những hàng lụa trông đã đẹp mắt lắm: hàng chon, hàng kẻ, hàng hoa, chẳng hạn màu, của hai Công-ty dệt ở Nam-định (Société franco-annamite pour l'industrie de la Soie) và ở Phú-phong, Trung-Kỳ (Établissements Delignon). Rồi đến các hàng dũi, chồi, của dân công-nghệ Thái-Bình. Hadong, mà người ta đã dùng nhiều để may quần áo tây, đàn ông và đàn bà.

Hai thứ hàng mới, đáng cho là chú ý, vì nó thuộc loại rẻ tiền, nghĩa là để liệu thụ trong đám dân chúng. Một thứ là vải sợi gai trộn với sợi bông hoặc tơ hoặc đay, sản xuất nguyên ở Bắc-Kỳ (cải làng Hadong Nam-định) mỗi tháng được 60.000 thước, mỗi thước khổ 45 phân, giá bán lẻ vào-khoảng

3 hay 4 đồng. Một thứ nữa là hàng dệt bằng sợi bông gạo : ngoài những chăn, đệm, vải bọc ghế, khăn quàng, áo chum par dessus, manteaux), áo dài đàn bà, may bằng thứ hàng này, người ta chú ý đặc biệt đến những chăn giá 10\$ một cái, những áo nịt có tay (pullovers) và không tay (gilets) dày như áo len giá từ 4\$ đến 7\$00. Các thứ hàng dệt bằng sợi bông gạo là do « Công-ty các hãng dệt Bắc-Kỳ (Société des Textiles du Tonkin) bán ra ; Công ty này xuất nguyên liệu cho các nhà công nghệ mọi nơi rồi thu hàng của họ dưới sự kiểm soát của sở Kinh-tế Bắc-Kỳ. Trong năm 1944, dự định, với 5000 thợ và 10.000 khung cửi, sẽ dệt được 30.000 cái chăn và 100.000 cái áo nịt không tay.

Kể ra, . . . . . thì hai thứ hàng trên (vải trộn gai và dày bông hoặc tơ và áo nịt đan bằng sợi bông gạo) là những thứ rẻ lắm và sẽ giúp ích được nhiều người nếu cái lượng sản xuất được tới mức đã dự định.

Tuy nhiên ta cũng nên công nhận rằng giá hai thứ hàng đó cũng chỉ vừa sức cho hạng bình-dân ở ngoài-đỉnh, thợ thuyền, công nhân hoặc người buôn bán nhỏ, nghĩa là có một số lợi tức vào khoảng 20 đồng một tháng. Còn đám dân quê và những dân nghèo hơn chắc chắn là không thể mua được theo giá ấy, và lại số sản xuất cũng không thể cung cấp đủ hạng người này.

Trước khi khai mạc mùa tiêu-công-nghệ, chính-phủ có đặt một kỳ thi để khuyến khích sự tìm tòi về quần áo rẻ tiền, . . . . .

. . . . . Có người đã chế được một thứ áo nịt cụt tay bằng giấy, thứ giấy dai lấy ở một loài cây đặc biệt, sức ẩm có thể bằng một cái áo len (theo lời của nhà sản-chế) và giá đề là 3\$00. . . .

Trong sự tìm tòi về địa hạt kinh-tế người ta phải chú ý đến sản xuất (tức là trừ trước số nguyên-liệu có thể tìm được) và giá vốn tính theo trường hợp sản xuất nhiều (vì có khi sản xuất nhiều lại tốn hơn là làm thử một chiếc) nếu không sự tìm tòi chỉ có giá-trị trong phòng thí-nghiệm.

\*

Sau khi xem cuộc trưng bày các đồ dệt, ta phải nhận thấy sự cố gắng đáng khen của chính-phủ và tư-nhân. Ta cũng lại nhận thấy rằng hiện tình cái then chốt trong vấn-đề Dệt là Nguyên-liệu. Dụng cụ có thể tạm thời không thay đổi, nhưng về phần nguyên-liệu, thì cần phải nhiều cố gắng và hi-sinh tiền tài hơn nữa.

Muốn giải quyết vấn-đề quần áo, thiết tưởng phải chia vấn-đề làm hai phần :

1.— Một phần gồm những phương kế tạm gấp đề đối phó với sự thiếu thốn hiện thời đang gặp gạo.

2.— Một phần hướng vào sự tính kế lâu dài vì những phương kế tạm gấp tất nhiên không thể dùng mãi được ngay trong thời kỳ chiến tranh đi nữa, bởi lẽ những thể-phẩm giá cao, không tốt và không sản xuất được nhiều.

Về phần trên, người ta đã tìm được những kết quả khả quan trong việc sản xuất những thứ hàng mặc cho những lớp xã-hội dư dật. Nhưng còn đám đại-chúng, hiện chưa được hưởng thứ vải gì vừa với sức mua của họ. Tôi đã có bàn đến việc này trong 2 bài « Rét » và « Vấn đề quần áo của dân chúng » đăng hồi cuối năm ngoái (T. N. số 48 và 49). Vậy sự tìm tòi của tư-nhân với sự giúp đỡ của chính-phủ còn phải gắng sức nhiều.

Về phần dưới, người ta phải thực-hành rất mau việc giồng bông.

Những phương kế tạm thời không thể ứng dụng được lâu dài. Những thứ hàng người ta đã dệt được phải dùng những nguyên liệu hiện có ít quá như gai và dày. Muốn dệt được nhiều tất phải mở mang việc giồng các thứ cây đó, tức là phải nghĩ đến kế lâu dài. Mà nếu dĩ phải giồng thêm cây lấy sợi thì giồng bông vẫn là hơn vì sợi nó dùng để dệt vải được tiện lợi hơn mọi thứ sợi. Một thể-phẩm khác đã nói ở trên có thể sản xuất được khá nhiều vì số nguyên liệu sản có (3000 tấn ở Cao-mên) là hàng dệt Làng bông gạo. Nhưng ở như trên kia đã nói công dụng của bông gạo nhỏ hẹp lắm, người ta không thể dùng những sợi nó được vì nó bó quá. Mà ngay đến những sợi khá to để đan áo nịt, người ta cũng phải trộn thêm sợi bông hay tơ, hay gai cho nó đỡ bó. Công dụng chính-thức của nó là để dệt những vải dày, làm chăn, bọc ghế hay quá lều là áo chum. Không kể là giá bán cũng không được rẻ.

Nói đến thứ vải rất rẻ tiền để bán cho dân nghèo vẫn chưa ai tìm được thứ nguyên liệu gì hiện có để dệt ; nhưng giá có tìm được chắc cũng không thể nào thay được bông hoặc vì xấu quá (dại khấp như rơm) hoặc vì ít quá (dại khấp như tơ chuối).

Vậy việc cần thiết vẫn là việc giồng bông. Đó là việc mà chính-phủ đang khuyến khích. Nhưng ta mong rằng, ngoài sự khuyến khích, chính-phủ sẽ dùng những phương sách mạnh hơn : nghĩa là một tổ chức, và một số tiền dự chi khá to để mở mang sự giồng bông trên những khoảng đất rộng ở Cao-Mên và miền nam Trung-kỳ.

Thêm vào việc giồng bông là việc chính, người ta cũng nên hoạt động nhiều về việc giồng dâu chằm tằm. Những hàng lụa của ta dệt da có giá-trị khá cao về phẩm. Nghề giồng dâu chằm tằm thiết tưởng, ngay sau thời kỳ chiến tranh, cũng không sợ sụt giá miễn là người ta đem chút khoa học và sự cần thận vào nghề đó để tơ kéo ra được tốt và đẹp.

. . . . .

VŨ ĐÌNH HÒE

Kỳ sau : TUẦN LỄ GIẤY và TUẦN LỄ KIM-KHÍ

MỘT QUYỀN SÁCH LÀM CHẤM ĐỘNG DU LỊCH

Lịch sử

# ĐẠO THIÊN CHÚA ở Việt nam

Xuất bản dưới quyền duyệt-chính của cha L. Cadière và cụ Ưng Hòa

Tựa của đức Khâm-Mạng tòa Thánh ở Đông-dương

Bản viết của  
**HỒNG LAM**

Chủ giải của  
cha **L. CADIÈRE**

Đã có bán khắp các hiệu sách lớn và ở :

## Dai-việt thiên ban

50 bis, Avenue Khải-Định — HUẾ

Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20 tiền gửi và tiền gói

## THỜI ĐẠI

VÀ BA HỌ SĨ : NGUYỄN GIA TRÍ,

LƯƠNG XUÂN NHỊ, TRẦN VĂN CÂN

TRÌNH BÀY :

BA TÁC PHẨM CỦA XUÂN DIỆU

TRƯỜNG CA (Văn)

\*

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ (Thơ)

\*

PHẢN THÔNG VẮNG

(Truyện ngắn — tái bản)

MỚI XUẤT BẢN :

## TRUNG QUỐC

SU' LƯỢC của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thầy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ của Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0,80

= Thư và ngân-phiếu xin gửi về cho : =

**NHÀ IN MAI-LÍNH HANOI**

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL du 1er MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imn. spéciale du THANH NGUY